

THÔNG LUẬN

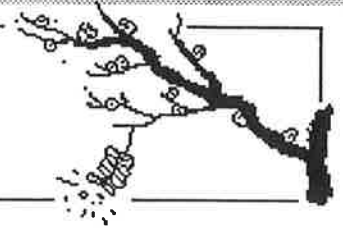
NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Directeur de publication: Bùi Quang Hiếu

*Toàn thể ban biên tập nguyệt san Thông Luận kính chúc quý vị độc giả
một năm Kỷ Ty Khang an và thịnh vượng*



Vấn Đề Trong Tháng

Mười sáu năm sau ngày hiệp định Paris được ký kết

Một hiệp định đình chiến luôn luôn phản ánh ý chí và sức mạnh của các phe lâm chiến. Vào cuối năm 1972 nước Mỹ rất mạnh và nước Mỹ muốn rút khỏi Việt Nam trong danh dự. Hoa Kỳ đã dùng sức mạnh để áp đặt hiệp định Paris lên cả Hà Nội lẫn Sài Gòn. Hoa Kỳ đã ném bom dữ dội buộc chính quyền cộng sản Bắc Việt phải tới bàn hội nghị xét lại thỏa ước đã đạt tới vào ngày 31/10/1972 và ký vào hiệp định 27/01/1973. Hoa Kỳ đã đe dọa bỏ rơi để ép buộc chính quyền Nguyễn Văn Thiệu phải ký vào một văn kiện rất bất lợi. Hiệp định Paris trước hết là hiệp định để Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam một cách an toàn và lấy lại các tù binh, bù lại việc tháo gỡ mìn tại các hải cảng miền Bắc bị phong tỏa từ mùa hè năm 1972. Ngoài ra hiệp định Paris không

có mục đích nào khác mặc dầu nó mang một cái tên rất hoa mỹ là hiệp định chấm dứt chiến tranh và tái lập hòa bình tại Việt Nam. Quên mất điều này người ta có thể bị lạc vào mê cung của những lý luận thuần túy lý thuyết không có đối tượng.

Chúng ta không thể trách người Mỹ đã bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa. Những người kế tiếp nhau cầm đầu chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã không làm gì để tranh thủ sự hỗ trợ của nhân dân Mỹ mà trái lại còn làm tất cả những gì có thể làm để gây sự thất vọng và phẫn nộ cho người Mỹ. Chúng ta không trách người Mỹ nhưng chúng ta cũng không được làm về bản chất hiệp định Paris.

Một điều đặc biệt đáng lưu ý là nếu chỉ có những điều khoản liên quan tới sự triệt thoái của quân đội Mỹ là được thi hành một cách tương đối nghiêm túc thì cũng chỉ trên những điều khoản này mà người Mỹ đặt ra những thắc mắc về sự thi hành hiệp định. Họ tự hỏi không biết tất cả các tù binh đã được phóng thích hay chưa. Họ chưa cho là tất cả mọi cố gắng đã được thực hiện để tìm hài cốt những người mất tích v.v... Đối với người Mỹ chỉ có những điều khoản ấy là đáng kể, phần còn lại chỉ có vai trò phụ họa.

Nếu có những người Việt Nam còn cố đặt kỳ vọng vào sự đứng đắn của hiệp định Paris ngày 27/01/1973 thì ngược lại các nước trên thế giới, trước hết là các nước đã ký vào định ước 02/03/1973 để bảo trợ cho hiệp định, lại không hề nghĩ gì hết về mục đích và bản chất của hiệp định này. Ngay sau khi quân cộng sản tràn vào Sài Gòn họ đã đồng loạt và lập tức nhìn nhận chủ quyền của chính quyền cộng sản trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Sự nhìn nhận này trên thực tế đã là sự hợp

Trong số này

1. Vấn đề trong tháng:

Mười sáu năm sau ngày hiệp định Paris được ký kết
Thông Luận

3. Tham Luận:

Vấn đề hiệp định Paris 1973

Trần Thanh Hiệp

8. Độc giả góp ý:

Về buổi họp các thân hữu và độc giả Thông Luận
Nguyễn Điều và Nguyễn Văn Huy

10. Tường thuật:

Buổi họp các thân hữu và độc giả Thông Luận

14. Thời sự tin tức

16. Sổ tay

Vai trò của người đọc

Thụy Khuê

thức hóa cuộc cưỡng chiếm miền nam của Hà Nội và đã có giá trị tương đương với một lời tuyên bố bãi bỏ hiệp định Paris. Nước Pháp, nước chủ trì hiệp định Paris, đã mau mắn trải thảm đỏ đón tiếp Phạm Văn Đồng, và Hoa Kỳ đã chỉ nài những lý do rất ít liên quan đến hiệp định Paris như việc xâm chiếm Cam-Bốt, đe dọa an ninh trong vùng... để đình hoãn việc thiết lập quan hệ ngoại giao với chính quyền cộng sản Việt Nam.

Về mặt thuần túy lý thuyết luật học người ta có thể nêu ra điều 7 của định ước 02/03/73 để cho rằng một hội nghị quốc tế về Việt Nam có thể được triệu tập, nếu có ít nhất sáu nước đã ký vào định ước đòi như vậy, để xét lại việc thi hành hiệp định Paris. Nhưng đó là một cái nếu không lờ, một cái nếu đã được trả lời rất rõ rệt, một cái nếu mà những người khách quan không thể đặt ra.

Không còn một quốc gia nào muốn nghe nói tới hiệp định Paris nữa và sẽ không bao giờ có sự kiện sáu nước đã ký định ước 02/03/1973 đòi xét lại hiệp định Paris. Đó là một điều mà ta có thể xác quyết.

Vả lại nếu trong trường hợp ngàn năm một thuở mà sự kiện này xảy ra thì cái gì bắt chính quyền cộng sản Việt Nam phải tuân thủ một nghị quyết với sáu chữ ký khi họ đã có thể xé bỏ một hiệp định được long trọng ký kết giữa 12 chính phủ?

Trừ khi là chính chính quyền cộng sản Việt Nam yêu cầu xét lại và làm sống lại hiệp định Paris. Cũng điều 7 của định ước 02/03/1973 cho phép họ làm việc đó nếu có sự đồng ý của Hoa Kỳ. Chúng ta không thể gạt bỏ khả năng Hà Nội sẽ đi đêm với Hoa Kỳ để hâm nóng lại hiệp định Paris ngõ hầu ra khỏi thế bế tắc hiện tại. Hà Nội có thể sẽ làm như vậy bởi vì hoàn cảnh của họ đang mỗi ngày một tuyệt vọng và viện trợ của Liên Xô đang càng ngày càng sút giảm. Hoa Kỳ cũng có thể đồng ý như vậy vì kéo Hà Nội vào quỹ đạo Hoa Kỳ có lợi cho họ. Ngoài ra chế độ nào có lợi hay có hại cho nhân dân Việt Nam không phải là vấn đề của Hoa Kỳ.

Cái gì sẽ xảy ra lúc đó? Một thứ "hiệp định Paris tu chỉnh" sẽ được ra đời để coi như là không có gì trầm trọng đã xảy ra. Việc cưỡng chiếm miền nam của chính quyền cộng sản Hà Nội sẽ được hợp thức hóa, những tội ác của chính quyền này với quân đội, công chức và dân chúng miền nam Việt Nam sẽ được bạch hóa. Đó sẽ là một thảm kịch khác.

Đó chỉ là những giả thuyết. Chúng ta không thể căn cứ trên những giả thuyết mà hành động nhưng cũng không thể không khảo sát những giả thuyết có thể trở thành sự thực.

Sự kiện khách quan là hiệp định Paris thuộc về luật quốc tế, và luật quốc tế cho tới ngày nay chưa phải là luật. Nó không có biện pháp chế tài. Các hiệp định quốc tế được tôn trọng hay không hoàn toàn tùy ở tương quan lực lượng và quyền lợi.

Tất cả vấn đề là chúng ta, những người đối lập với chính quyền Hà Nội, có đủ sức mạnh để buộc họ phải làm những nhượng bộ hay không.

Nếu không thì sự cầu cạnh các thế lực quốc tế để xin thi hành hiệp định Paris chỉ là một sự van xin vô ích và không có gì vinh quang. Thế giới hôm nay rất phù phàng với những kẻ yếu.

Ngược lại nếu chúng ta có đủ sức để buộc chế độ cộng sản Hà Nội phải nhượng bộ thì chúng ta lại không có lý do gì để quay về với hiệp định Paris. Tình hình đã hoàn toàn thay đổi kể từ ngày 27/01/1973. Đất nước đã thống nhất và sẽ thống nhất mãi mãi. Chế độ cộng sản Việt Nam đã hoàn toàn phá sản. Nếu vào năm 1973 việc nhượng cho đảng Cộng Sản một nửa đất nước còn có thể coi là một thỏa hiệp tạm thời chấp nhận được trong khi chờ đợi một giải pháp thống nhất đất nước thì ngày nay không có lý do gì để chúng ta phải nhượng cho đảng Cộng Sản một nửa đất nước nữa.

Nếu chúng ta trở thành một sức mạnh - một điều chúng ta hoàn toàn có thể làm được và sẽ làm được - thì điều mà ta đòi hỏi sẽ rất khác.

Chúng ta sẽ đòi hỏi một sinh hoạt dân chủ đa nguyên. Lập trường này rất thực tế vì nó đang được sự hậu thuẫn của toàn dân, kể cả những người đang ở trong guồng máy chính quyền cộng sản. Hậu quả chắc chắn của nó sẽ là sự đào thải không tránh khỏi của chính quyền cộng sản.

Sau đó, chúng ta sẽ xây dựng một nước Việt Nam mới, một nước Việt Nam thống nhất, một nước Việt Nam không có hận thù, một nước Việt Nam của lòng bao dung và của tình anh em tìm lại, một nước Việt Nam trong đó có chỗ đứng xứng đáng cho mọi người và cho mỗi người.

Đó là cách mà chúng ta thực hiện nguyện ước của các nước đã gặp nhau để bàn về Việt Nam năm 1973: xóa bỏ hận thù, thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc để dồn mọi cố gắng vào việc xây dựng đất nước. Trên cương vị đó chúng ta sẽ có quyền đòi hỏi các nước đã bảo trợ cho hiệp định Paris, đặc biệt là Hoa Kỳ, thực hiện những cam kết đóng góp vào cố gắng tái thiết Việt Nam.

Tình hình hiện nay thực ra rất thuận lợi cho những người có đủ can đảm và sáng suốt để dám cho rằng bạo lực và lòng tham có thể đánh bại được. Chúng ta long trọng tuyên bố hiệp định Paris hết hiệu lực.

Về Hiệp Định Paris 1973

Trần Thanh Hiệp

Hiệp Định Paris 1973 về Việt Nam là một văn bản có nội dung tới nhiều vấn đề thuộc luật học, chính trị học và bang giao quốc tế, trong tương lai chắc chắn là một đề tài nghiên cứu rất hấp dẫn cho các tác giả ngoại quốc. Nhưng người Việt Nam đã và có lẽ sẽ không chú ý nhiều đến nó, ngay cả trong địa hạt nghiên cứu.

Cuối năm 1986, giáo sư Vũ Quốc Thúc, với sự hưởng ứng của một số luật gia, đặt vấn đề chấm dứt thảm trạng "thuyền nhân" trong khuôn khổ Hiệp Định Paris 1973 về Việt Nam và giữa năm 1987, tiến thêm một bước, đã công bố một Bạch Thư về Chiến Tranh và Hòa Bình tại Đông Dương (Guerre et Paix en Indochine), mà ông là tác giả nhằm vận động phục hồi Hiệp Định Paris 1973 bằng việc triệu tập một Hội Nghị Quốc Tế, như đã dự liệu bởi Định Ước ngày 2/3/1973 của Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam.

Trong dự luận Việt Nam bên cạnh những tiếng nói tán đồng, người ta nhận thấy có những tiếng nói bác bỏ sáng kiến của giáo sư Vũ Quốc Thúc.

Thời sự quốc tế hai năm qua cho thấy tình hình thế giới biến chuyển về cả hai mặt nội trị cũng như ngoại giao rất mau lẹ và theo chiều hướng thương lượng để chấm dứt mọi tranh chấp chính trị có xung đột vũ trang. Do đó cũng nên trở lại Hiệp Định Paris, thấu thập một số dữ kiện có thể dùng làm cơ sở xem xét, suy nghĩ và nhận định để bắt đầu từ chỗ bắt đầu và nếu có thể được đưa ra một dự kiến về việc phục hồi Hiệp Định Paris, dự kiến theo nghĩa triết học của danh từ "problématique" là một lối nhìn trước những gì có thể - nhưng không tuyệt đối chắc chắn - sẽ xảy ra.

Trở lại bài mìn Hiệp Định Paris 1973

Bàn về Hiệp Định Paris năm 1973 là một việc làm gặp phải nhiều khó khăn. Trước hết, chưa hề có một chương trình nghiên cứu nào có qui mô toàn bộ về Hiệp Định ấy. Mặt khác, văn bản tiếng Việt không được lưu trữ tại nhiều nơi thuận tiện cho việc kê cứu. Ngoài ra vấn đề chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình Việt Nam đã được Hiệp Định Paris 1973 quan niệm trong khuôn

khô một giải pháp vừa ngoại giao, vừa pháp lý lại vừa chính trị và đặt dưới sự chi phối của hai ngành luật: luật quốc tế và luật quốc nội là hai ngành luật khác hẳn nhau từ bản chất qua cơ chế đến hiệu lực mà sự thấu triệt cần tới những kiến thức rất chuyên môn. Nhưng nỗi khó khăn lớn nhất có lẽ là sự đòi hỏi phải tìm ra được ý nghĩa đích thực của việc kết hợp luật với chính trị để hòa giải cuộc xung đột đẫm máu giữa hai miền Bắc và Nam Việt Nam. Sau hết việc ấy đã thất bại khiến cho cuộc xung đột chẳng những không dập tắt mà còn tiếp diễn dưới hình thức khác với một cường độ gia tăng. Trở lại giải pháp này, nếu không đưa ra được những phát kiến mới thì cũng vẫn chỉ để đi theo những vết xe đổ của người đi trước mà thôi.

Còn nhớ Henry Kissinger, cựu ngoại trưởng Mỹ và cũng là cha đẻ của Hiệp Định Paris 1973, khi loan báo kết quả cuộc hội đàm Paris về Việt Nam trong cuộc họp báo đã tuyên bố rằng Hiệp Định Paris bao gồm vô số những nghi vấn có thể làm nhức óc các nhà luật học và việc đạt được thỏa thuận giữa các bên làm cho ông có thêm mấy "sợi tóc bạc". Tuy có vẻ bông đùa nhưng người cầm đầu ngành ngoại giao Mỹ ở thập niên 70 đã không nói ngoa. Hiệp Định Paris quả thật là việc trời voi bở rọ nên không thể tránh được việc cưỡng ép. Người Mỹ trước khi rút khỏi chiến trường Việt Nam đã bỏ lại sau họ một "bãi mìn" - Hiệp Định Paris năm 1973 - trong đó cả hai phía Việt Nam đã bị sa lầy với những tổn thất rất lớn về người và của, ngay cả sau ngày người Mỹ cuốn cờ ra đi.

Mười sáu năm sau khi ký kết, xét lại Hiệp Định này là việc rất cực nhọc cả về trí óc lẫn tình cảm, có thể ví như trở lại một chiến trường đã tàn cuộc, với những tàn tích đã bắt đầu có lớp bụi thời gian bao phủ nhưng vẫn còn là một chướng ngại vật rất nguy hiểm chưa được thanh toán để mở lối cho vùng đất mới, vùng đất của hòa bình và tự do chân chính mà Việt Nam vẫn mơ ước nhưng chưa đến được. Công việc cực nhọc ấy nay riêng người Việt Nam phải tự làm lấy vì là đoạn đường chót phải đi nếu không muốn bị sa lầy.

Họ phải tìm cho kỳ được các cạm bẫy do các cường

quốc đặt ra cho các nước tiểu quốc, những nguyên do đích thực đã khiến cho cuộc tạo lập hòa bình dự tính cho người Việt Nam bị cuộc nội chiến của chính người Việt Nam làm thất bại, những khả năng mới để thử làm lại công việc đã làm ấy với hy vọng thành công. Có thể lại là công dã tràng, nhưng chính trị xưa nay vốn là những tiếp nối của những công dã tràng. Có điều không vì thế mà người Việt Nam có thể quá dễ dãi bắt tay vào việc với ý thức, đạo đức chính trị, kiến thức luật học, sử học, chính trị học chưa đổi mới... Hiệp Định Paris năm 1973 là thước đo dân trí Việt Nam nói chung, nghĩa là cả Bắc lẫn Nam. Năm 1989, Hiệp Định Paris vẫn là thước để đo lại dân trí đó.

Hiệp định Paris về mặt luật học

Hiệp Định Paris 1973 là một hiệp ước có một cơ cấu phức hợp bao gồm 3 loại văn bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh (riêng Định Ước 2/3/73 có thêm các bản bằng tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Hoa) có hiệu lực như nhau:

a/-Hiệp Định Paris (Accords de Paris, Paris Agreements) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (có 2 văn bản mang chữ ký của hai bên, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Hoa Kỳ, một bản có đủ chữ ký của bốn bên, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa và Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam).

b/-Bốn Nghị Định Thư (protocoles, protocols) về tháo gỡ mìn, về ngưng bắn ở miền nam Việt Nam và các Ban Liên Hợp Quân Sự, về Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát, về việc trao trả nhân viên quân sự bị bắt, thường dân nước ngoài bị bắt (trừ Nghị Định Thư về tháo gỡ mìn chỉ có hai bên ký, còn ba Nghị Định Thư khác đều có đủ bốn bên ký).

c/-Định Ước của Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam (Acte de la Conférence Internationale sur le Viet Nam, Act of the International Conference on Viet Nam) mang chữ ký của 12 ngoại trưởng 12 chính phủ ký kết, trong đó có 5 chính phủ 5 nước hội viên Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, với sự có mặt của Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc.

Hiệp Định Paris và các Nghị Định Thư phụ đính nhằm chấm dứt chiến sự, thi hành việc rút quân đồng thời qui định một giải pháp chính trị trên cơ sở các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền nam Việt Nam, thiết lập những quan hệ giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam để tiến tới thống nhất đất nước Việt Nam, thiết lập những quan hệ giữa Cam-Bốt và Lào với Hoa Kỳ...

Định Ước về Hội Nghị Quốc Tế của Việt Nam ra đời là để ba bên Việt Nam, Hoa Kỳ và tám quốc gia trên thế giới trong đó có đủ 5 quốc gia hội viên thường trực của Hội Đồng Bảo An, trình trọng ghi nhận, tuyên bố tán thành và ủng hộ Hiệp Định Paris 1973 tôn trọng tuyệt đối và nghiêm chỉnh thi hành Hiệp Định này và các Nghị Định Thư. Định Ước ấy còn dự định rằng nếu có vi phạm Hiệp Định ngay các Nghị Định Thư thì các bên ký kết sẽ tự mình hoặc bằng hành động thống nhất trao đổi ý kiến với các bên để xác định những biện pháp cần thiết để giải quyết và Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam sẽ được họp lại khi hai chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa thay mặt các bên ký kết Hiệp Định Paris 1973, cùng yêu cầu, hoặc có sáu hoặc hơn sáu bên ký kết Định Ước yêu cầu.

Các qui tắc pháp lý do Hiệp Định Paris 1973 đặt ra

Một hiệp ước có mục đích thiết lập một số cưỡng ép - những qui tắc pháp lý - các người ký kết, buộc họ phải thi hành những điều cam kết thực hiện qua nhiều nghĩa vụ: "phải làm" (thí dụ phải chấm dứt chiến sự, phải rút quân...), hay "không được làm" (thí dụ không được áp đặt bất cứ xu hướng chính trị và cá nhân nào đối với nhân dân miền nam Việt Nam). Những qui tắc ấy đặt trên sự chi phối của những qui phạm của luật quốc tế (normes du droit international, norms of International law).

Hiệp Định Paris đã đặt ra cả một hệ thống qui tắc pháp lý hoặc cho một số bên ký kết (thí dụ giữa hai bên miền nam Việt Nam), hoặc cho mọi bên ký kết (thí dụ bốn bên Hà Nội, Mỹ, hai bên miền nam Việt Nam hay 12 bên là 12 chính phủ ký kết Định Ước), hoặc cho tất cả mọi người (thí dụ tất cả mọi nước đều phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, quyền tự quyết của nhân dân miền nam Việt Nam vì Hiệp Định Paris đã "khách quan hóa" các quyền ấy). Ngoài ra các qui tắc ấy còn là những quy tắc hoặc vĩnh viễn (thí dụ như sự tôn trọng các quyền của dân tộc Việt Nam, của nhân dân miền nam Việt Nam tất nhiên phải vĩnh viễn), hoặc có hạn định (thí dụ phải rút quân trong vòng 60 ngày, phải trao đổi nhân viên dân sự trong vòng 90 ngày v.v...).

Một loại qui tắc khác là việc Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam, nơi điều 7 của Định Ước, đã quyết định rằng mỗi khi có vi phạm Hiệp Định Paris hay các Nghị Định Thư và có lời yêu cầu hoặc của hai bên Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Hoa Kỳ hoặc của sáu hay hơn sáu bên ký kết Định Ước thì hội nghị quốc tế về Việt Nam sẽ được triệu tập lại để xem xét. Nghĩa là về việc thi hành

Hiệp Định Paris, nếu có khó khăn thì cơ quan có thẩm quyền quyết định là Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam. Nói cách khác, tất cả các bên ký Hiệp Định Paris đã thỏa thuận phó dữ (attribuer) cho hội nghị này những quyền hạn rất rộng rãi của một cơ quan thường trực với một thủ tục triệu tập rõ rệt. Điều 7 của Định Ước có thể coi như một điều khoản tài phán, xét lại của Hiệp Định Paris 1973.

Qua các qui tắc pháp lý đặt ra, Hiệp Định Paris chưa phải là một hòa ước (traité de paix) đã hoàn tất. Nó chỉ mới là một hiệp-ước-luật (traité-loi) vừa là một hiệp-ước-khế-ước (traité-contrat) vừa là một tạm ước (modus vivendi) để Hoa kỳ dứt khoát chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, để các người ở Việt Nam ở cả hai miền tạm thỏa thuận với nhau tìm ra một giải pháp hòa bình theo tinh thần tôn trọng những quyền cơ bản của người Việt Nam trong đó có quyền tự quyết của nhân dân miền nam Việt Nam. Do đó việc thi hành (áp dụng, tu chính, sửa đổi, xét lại, chấm dứt v.v...) văn bản đó tùy thuộc vào cả ba đặc tính vừa kể.

Hiệu lực Hiệp Định Paris 1973

Nói đến hiệu lực của một hiệp ước là phải nói đến tính cách bắt buộc của nghĩa vụ thi hành các qui tắc đã ước định: những điều gì đã được thỏa thuận một cách dứt khoát và hợp pháp thì phải được tôn trọng. Đó là sự tôn trọng lời nói "đã nói một cách rõ ràng và long trọng, và sự tôn trọng ấy, nền tảng của mọi hiệp ước, là sự tuân thủ qui tắc cổ xưa, "pacta sunt servanda", tuy bằng tiếng la tinh nhưng ngày nay đã trở thành ngôn ngữ chung của cộng đồng quốc tế được ghi thành một điều khoản (điều 26) của Công Ước Vienne 1969 và được coi như một nguyên tắc căn bản của luật quốc tế. Những gì đã kết ước phải được các người ký kết thi hành với thiện ý, thực tâm (bonne foi). Không tôn trọng nguyên tắc pacta sunt servanda là vi phạm luật quốc tế.

Riêng về trường hợp Hiệp Định Paris 1973, một hiệp ước đã được ký kết một cách minh thị và rất trịnh trọng nhưng lại đã bị vi phạm một cách rất trầm trọng trong một khoảng thời gian tương đối lâu, 16 năm, câu hỏi rất cụ thể và đầy tính thời sự được đặt ra là văn bản đó còn hiệu lực gì không, nhất là khi hai trong mười hai bên ký kết - Việt Nam Cộng Hòa và Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam - ngày nay không còn nữa.

Trong số nhiều ý kiến để trả lời câu hỏi này có hai ý kiến trái ngược nhau như nước với lửa cần bàn tới.

Ý kiến thứ nhất cho rằng Hiệp Định Paris nay không còn hiệu lực vì trước hết nó không bao giờ có hiệu lực

- nó là một "mớ giấy lộn" - và sau nữa nó đã thất hiệu (caduc, lapsed) nghĩa là hết hiệu lực sau khi miền Nam đã bị miền Bắc đánh chiếm và nước Việt Nam đã được thống nhất. Sự thất hiệu đó là một sự thất hiệu mặc nhiên (caducité implicite, implicit lapse) vì không được minh nhiên tuyên phán. Thất hiệu vì không còn đối tượng - chính phủ Dương Văn Minh đã đầu hàng khi miền Nam thất thủ - ví như một hiệp ước về một con sông mà sông đã cạn, một hòn đảo mà đảo đã chìm, những thí dụ rất cổ điển thường được viện dẫn trong các sách về quốc tế công pháp.

Để bênh vực cho thuyết thất hiệu người ta có thể viện dẫn "điều khoản bất biến" để biện minh cho những biến thiên của hiệp ước, điều khoản "rebus sic stantibus", mặt trái của nguyên tắc pacta sunt servanda. Tuy ở trong hiệp ước không ghi điều khoản rebus sic stantibus nhưng người ta cho rằng khi ký kết các bên ký kết đều hiểu ngầm là đã thỏa thuận với nhau trong một tình trạng nhất định, tình trạng lúc ký kết. Nếu về sau tình trạng này thay đổi thì không bắt buộc phải tôn trọng những điều đã cam kết nữa. Tình hình Việt Nam từ sau 1975 đến nay đã thay đổi vậy Hiệp Định Paris coi như hết hiệu lực.

Điều đáng nói là tuy ý kiến ấy hoàn toàn có lợi cho nhà cầm quyền cộng sản vì không thể tìm được lý lẽ nào lý tưởng hơn để bảo vệ luận điệu cho rằng tình hình Việt Nam sau 1975 là không thể đảo ngược được, nhưng chính cộng sản lại rất ít khai thác ý kiến ấy vì sợ bị lâm vào thế "gậy ông đập lưng ông". Họ cứ lì lợm đi tới, coi như không có gì bất bình thường đã xảy ra. Họ đã tính đúng vì ý kiến bênh vực sự thất hiệu của Hiệp Định Paris 1973 có rất nhiều nhược điểm.

Ý kiến thứ hai, trái lại, cho rằng Hiệp Định Paris 1973 vẫn còn hiệu lực. Để hiểu được ý kiến này trước hết phải tránh lối xem xét các vấn đề một cách cầu thả. Thí dụ nhiều người cho rằng Hiệp Định Paris là một toàn bộ bất khả phân, nếu có một điều khoản hết hiệu lực thì cả bản văn cũng coi như hết hiệu lực. Hay khi nói đến Hiệp Định Paris có người lại chỉ kể một vài điều khoản mà thôi, không cần biết đến các điều khoản khác. Hoặc họ đã lý luận một cách đại khái theo lối loại suy (analogie) coi việc miền Nam thất thủ như trường hợp con sông đã cạn, hòn đảo đã chìm.

Sự thật thì Hiệp Định Paris là một tổng hợp của ba phần ghép lại với nhau: phần luật, phần khế ước và phần tạm ước. Phần luật thì hễ chưa bãi bỏ thì chưa hết hiệu lực. Ai có thể nói rằng sau 1975, vì miền Bắc đã chiếm miền Nam nên các quyền dân tộc cơ bản của miền Nam, quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam phải coi như đã hết hiệu lực? Phần khế ước,

như việc Hoa Kỳ tháo gỡ mìn, rút quân v.v... đã làm xong vậy các điều khoản liên quan đến các việc đó có thể coi như đã hết hiệu lực. Riêng khoản viện trợ để tái thiết nước Việt Nam vì Hoa Kỳ chưa làm nên nhà cầm quyền cộng sản sau 1975 vẫn tiếp tục đòi áp dụng Hiệp Định Paris 1973 với Hoa Kỳ. Còn phần tạm ước thì Cộng Sản miền Bắc đã trắng trợn vi phạm kể từ khi ký kết cho đến ngày 30/04/1975 và những năm kế tiếp. Vậy phải triệu tập Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam tìm điều kiện để nó được thi hành một cách nghiêm chỉnh. Chính điều 7 của Định Ước 2/3/73 đã làm cho Hiệp Định Paris 27/1/73 chưa phát hiệu. Dĩ nhiên với điều kiện phải đủ túc số để triệu tập, bằng không hiệu lực tuy về mặt lý thuyết vẫn còn, nhưng về mặt thực tế kể như đã hết.

Việc thi hành Hiệp Định Paris

Thời gian và biến đổi không phải là những yếu tố đương nhiên làm mất hiệu lực của các hiệp ước. Năm 1980, nhân một chuyến thăm viếng nước Algérie, Nữ Hoàng Anh đã nêu lên việc thi hành một hiệp ước hữu nghị đã ký từ năm 1765. Cũng những năm gần đây, thủ tướng tỉnh Québec của Canada cho biết ông có ý định nhờ nước Pháp vận động với nước Anh để hiệp ước nhượng đất năm 1763 ký với nước này được áp dụng hầu dân chúng địa phương được công nhận các quyền văn hóa và tôn giáo đã thỏa thuận. Hiện nay Trung Quốc vẫn còn đòi Nga xét lại những hiệp ước bất bình đẳng ký với Sa Hoàng từ thế kỷ thứ 19.

Cho nên đặt vấn đề trở lại Hiệp Định Paris 1973, không phải là một điều quái đản như người ta tưởng. Nếu có điều gì quái đản thì có lẽ phải là việc cộng sản sau khi trịnh trọng ký kết trước quốc tế Hiệp Định Paris 1973 đã trắng trợn bội ước một cách không kém trịnh trọng, mặc nhiên xóa bỏ tất cả mọi điều khoản của văn kiện này, trừ một vài điều khoản có lợi cho họ, vậy mà một số người lại coi đó là một việc bình thường có thể bỏ qua!

Có hai vấn đề cần bàn ưu tiên là ai phải thi hành Hiệp Định Paris và đặt vấn đề trở lại Hiệp Định Paris 1973 là đặt vấn đề gì?

a/- Ai phải thi hành Hiệp Định Paris 1973.

Theo nguyên tắc vững chắc, hiệp ước (phần rất lớn), là những thỏa thuận của những quốc gia, vậy người có trách nhiệm thi hành là các quốc gia đã ký kết. Hiệp Định Paris đã ký kết theo một thủ tục đặc biệt khiến cho tất cả các bên ký kết tuy có những bên không nhìn nhận ngoại giao nhau, nhưng cách ký kết theo kiểu "đèn cù" đã vẫn cho nó giá trị của một văn bản của một hiệp ước ký kết giữa các quốc gia. Vậy người có nhiệm vụ thi hành là các cơ quan cầm quyền tại các nước ký kết. Những sự thay đổi chính quyền không ảnh hưởng tới việc thi hành hiệp ước, chiếu nguyên tắc liên tục quốc gia.

Những sự thay đổi chính trị ở Việt Nam ngày 30/4/1975 đã khiến cho nhiều người đi đến kết luận rằng vì Việt Nam Cộng Hòa và Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam đã bị tan rã nên không còn vấn đề thi hành Hiệp Định Paris 1973 nữa. Đó là một sự lẫn lộn về mục tiêu của Hiệp Định Paris 1973. Mục tiêu của văn bản này không phải là Việt Nam Cộng Hòa cũng không phải là Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (Mặt Trận Giải Phóng) mà là "quyền tự quyết của miền Nam Việt Nam" và các nghĩa vụ thực hiện quyền tự quyết đó được trao cho "hai bên miền nam Việt Nam".

Nếu hiện nay phải trở lại Hiệp Định Paris để nhân dân miền Nam Việt Nam có cơ hội thực sự thi hành quyền tự quyết của mình - mà cộng sản miền Bắc đã tước đoạt sau khi đánh chiếm miền Nam - thì vấn đề cần được đặt ra là tìm xem những ai có tư cách

"các bên miền Nam Việt Nam". Theo giáo sư Vũ Quốc Thúc, ông Nguyễn Văn Thiệu với tư cách cựu Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, tuy đã phải từ chức "do ép buộc của Cộng Sản miền Bắc" vẫn là một trong "hai bên miền Nam Việt Nam" vì chính đại diện của ông là người đã ký kết Hiệp Định Paris 1973. Quan điểm ấy cần được tiếp nhận như thế nào, về mặt quốc tế cũng như về mặt quốc nội, đó là vấn đề sẽ được bàn kỹ khi cần. Điều nói ngay là sự thay đổi pháp nhân Việt Nam Cộng Hòa và Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (trong thực tế chỉ là một sự ngụy tạo của cộng sản miền Bắc đã được thủ nhận và dẹp bỏ) không phải là một trở ngại pháp lý cản trở việc thi hành Hiệp Định Paris 1973, nếu nhân dân miền Nam Việt Nam có cách tuyển chọn người hoặc định chế thay thế các chính quyền cũ ở miền Nam Việt Nam.

b/- Phục hồi nguyên trạng hay xét lại?

Chủ trương phục hồi Hiệp Định Paris 1973 trên cơ sở tính đại diện của cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu có nhiều điều lợi mà cũng có nhiều điều hại, đúng hơn, hại nhiều hơn lợi.

Dưới ánh sáng của luật quốc tế việc phục hồi Hiệp Định Paris gây nên một sự tranh chấp kịch liệt giữa hai nguyên tắc *pacta sunt servanda* và *rebus sic stantibus*. Học thuyết, với đóng góp của nhiều nhà luật học quốc tế lỗi lạc như Kelsen, Rousseau, Fitzmaurice, v.v..., án lệ nhiều quyết định của tòa án quốc tế, quán lệ với xu hướng thay đổi ôn hòa (*changement pacifique, peaceful change*) do người Anh cổ võ đã phải lưu ý những ai muốn trở lại Hiệp Định Paris rằng sẽ không có sự trở lại nguyên trạng. Những đảo lộn trong đời sống chính trị ở miền Nam Việt Nam, từ hơn 15 năm qua, quá quan trọng khiến không ai có thể coi như không hề có những đảo lộn ấy.

Nại "tính đại diện" của cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu để đưa Hiệp Định Paris trở lại thăm xanh có lợi - về mặt tâm lý trong gian đoạn đầu - là có ngay một danh nghĩa để vận động các nước tham gia Hội Nghị Quốc Tế 2/3/73 về Việt Nam đã cùng ký Định Ước với sứ giả toàn quyền của ông Nguyễn Văn Thiệu. Và ông chính là "cơ quan" cao nhất của hành pháp VNCH chịu trách nhiệm thi hành các hiệp ước. Việc ông đợi đến 11 năm sau để khiếu nại là một sự chậm trễ rất bất lợi. Nhưng chậm còn hơn không. Dù sao, về mặt ngoại giao, tư cách cựu tổng thống của ông cũng giúp cho cuốn Bạch Thư của giáo sư Vũ Quốc Thúc có thêm sức nặng để gây thêm sự chú ý của các "nước bạn" cũ của Việt Nam Cộng Hòa. Người ta có thể ví sáng kiến của giáo sư Vũ Quốc Thúc như hành động táo bạo của người dân thấp cổ bé miệng Việt Nam ngày xưa vượt qua mọi đe dọa, tới trước phủ chúa, cung vua đánh lên tiếng trống kêu oan. Và tiếng trống khiếu nại của giáo sư Vũ Quốc Thúc có thể đã làm lung lay bóng đêm dày đặc từng bao trùm oan ức ngất trời của dân chúng miền Nam từ hơn 10 năm qua. Nhưng việc gì phải đến tất phải đến. Giây phút của sự thật tất phải đến khi các đờn ào ban đầu đã lắng đọng. Chính "tính đại diện" của cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu sẽ là trở ngại lớn về rất nhiều mặt - pháp lý, chính trị, ngoại giao - cho cuộc vận động của giáo sư Vũ Quốc Thúc. "Tính đại diện" ấy không thể là viên đá tảng cột trụ của kiến trúc pháp lý phục hồi Hiệp Định Paris 1973 vì nó không kiên cố, và vì vậy không nên mở trận đồ pháp lý với "của Nguyễn Văn Thiệu" để cộng sản vào trận.

Nếu dự tính phục hồi Hiệp Định Paris 1973, dưới ngọn cờ của một cựu tổng thống Việt Nam Cộng Hòa có nhiều chỗ không ổn thì tại sao không tìm cách trở lại Hiệp Định Paris bằng một con đường khác và trên một cơ sở pháp lý khác?

Con đường và những cơ sở đó có thể quan niệm như sau:

Thay vì nại ra tất cả những vi phạm của cộng sản để đòi phục

hồi nguyên trạng, vì đương đơn là cựu tổng thống Việt Nam Cộng Hòa, ta có thể đòi xét lại Hiệp Định Paris 1973. Nếu phục hồi có nghĩa là trở lại nguyên trạng cũ (statu quo ante) thì sợ rằng đó là đòi Hội Nghị Quốc Tế Việt Nam một việc làm trong hiện tình vượt quá thẩm quyền nó có thể có. Nếu phục hồi hiểu theo nghĩa rộng là xem xét Hiệp Định Paris 1973 có thể thi hành trở lại được hay không và nếu có thì phải thi hành như thế nào, nghĩa là phải "xét lại" thì nên sửa đổi danh nghĩa cũng như căn bản pháp lý để đưa yêu sách. Và cho được hợp tình hơn đương đơn sẽ không còn là cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu mà là "nhân dân miền Nam Việt Nam", thực thể chính trị Hiệp Định Paris 1973 minh thị công nhận và chính là những người đã thực tế và liên tục khiếu nại dưới mọi hình thức từ 1975 đến nay chứ không đợi tới 1987 như vị cựu tổng thống - đã từ chức - của họ đã làm.

Mặt khác, đặt vấn đề với góc độ "xét lại" cũng hợp lý hơn. Trước hết là để vượt qua công sự rebus sic stantibus mà chắc chắn cộng sản sẽ đặt ngang đường tiến của đối thủ của họ. Vẫn biết rằng theo điều 62 của Công Ước Vienne 1969, những ai đã tri tình tạo nên sự biến đổi, nhất là lại bằng những vi phạm hiệp ước, những người đó không thể nại điều rebus sic stantibus. Đó chính là trường hợp cộng sản miền Bắc đã trắng trợn vi phạm Hiệp Định Paris 1973 để thôn tính miền Nam, tạo thêm những đảo lộn trong vùng. Nhưng điều đó không có nghĩa là những sự đổi thay đã diễn ra sẽ không có những ảnh hưởng tâm lý bất lợi cho những người làm sống lại Hiệp Định Paris 1973. Nên nhớ rằng nước Pháp, nước mà người ta đang chờ đợi sự ủng hộ, lại là một nước đã tạo ra trong công pháp quốc tế một tiền lệ về việc áp dụng điều khoản rebus sic stantibus, khi tướng De Gaulle năm 1966 nại sự thay đổi của tình thế để rút khỏi quân lực chung của tổ chức Bắc Đại Tây Dương.

Ngoài ra yêu sách xét lại còn được hỗ trợ bởi một lập luận pháp lý khác: ngay sau khi cộng sản miền Bắc dùng vũ lực đánh chiếm miền Nam - trong khi các nhân vật có trách nhiệm cai trị kể từ chức, kể giao quyền, kể tìm đường mai danh ẩn tích ở nước ngoài - "nhân dân miền nam" đã có những hành động phản kháng từ tiêu cực đến tích cực có thể giải thích như một sự biểu lộ trực tiếp và minh nhiên ý chí đình hoãn việc thi hành Hiệp Định Paris chờ cơ hội đòi đem ra xét lại việc thi hành đó. Việc đình hoãn này chỉ là sự áp dụng điều 52 của công ước Vienne 1969. Hành động của cộng sản miền Bắc kéo quân vào dinh Độc Lập ép buộc "tổng thống được trao quyền" Dương Văn Minh phải đầu hàng và bắt ông mang đi là một bạo hành đầy đủ tính chất làm cho Hiệp Định 1973 không thể tiếp tục thi hành và đặt nó vào tình trạng đình hiệu (suspension). Người bị bạo hành khiến hiệp ước phải đình hiệu không phải là Nguyễn Văn Thiệu mà là Dương Văn Minh. Ông Thiệu còn đủ tự do chọn thời cơ để từ chức, còn có đủ thời giờ di tản gia đình và của cải khỏi nước Việt Nam nên không thể nại việc ông bị cộng sản ép buộc tới mức độ bạo hành. Khiếu nại như vậy là đi ngược với án lệ. Như trong vụ tranh tụng về đánh cá giữa Anh và Iceland, Iceland đã thua vì chỉ nói được rằng sở dĩ phải nhượng bộ Anh là tại chiến hạm Anh lui tới vùng đánh cá. Về trường hợp của tướng Minh, người ta liên tưởng tới tiền lệ Hitler và tùy tùng đêm 14 rạng ngày 15/3/1939 đã ép buộc tổng thống Tjep Khắc phải nhận nền bảo hộ của Đức tại Bohême và Moravie.

Sau hết phải gạt bỏ thành kiến theo đó không có sự hiện diện của cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu thì sẽ không còn pháp nhân của Việt Nam Cộng Hòa. Hiệp Định Paris không đặt vấn đề Việt Nam Cộng Hòa mà đặt vấn đề nhân dân Việt Nam Cộng Hòa. Nhân dân ấy trong hiện tình chọn ai làm đại diện cho họ thì người đó, trong sự liên tục quốc gia, sẽ có tính đại diện của nhân dân miền Nam Việt Nam. Đi xa hơn nữa là đã bước sang lãnh vực

chính trị vì là nội bộ của "nhân dân miền Nam Việt Nam", luật quốc tế không tranh quyền với luật quốc nội. Việt Nam Cộng Hòa trong quá khứ đã đem lại cho nhân dân miền Nam Việt Nam quy chế một quốc gia. Nay chỉ cần có sự nhìn nhận "chính phủ" đại diện nó. Cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu hiện nay không đương nhiên đại diện miền Nam Việt Nam. Nhiều nước chắc không sẵn sàng coi ông như tướng De Gaulle và ngay đối với người Việt Nam, ông cũng phải được tán phong trở lại nếu ông muốn có tính đại diện.

Vậy nên ra khỏi quỹ đạo Nguyễn Văn Thiệu để tránh những khó khăn đã thấy trước. Đồng thời minh xác bổ túc rằng yêu cầu phục hồi là yêu cầu xét lại việc chấp hành Hiệp Định Paris 1973. Để tránh sự ngộ nhận rằng đây chỉ là một cố gắng để ông Thiệu trở lại chính trường bằng đường tắt.

Tất nhiên chỉ có thể xét lại để chấp hành Hiệp Định ấy trong chiều hướng giải pháp hòa bình do chính nó đã vạch ra: nhân dân miền Nam Việt Nam phải được tự do hành xử quyền tự quyết thiêng liêng, bất khả xâm phạm của mình để thiết lập những mối liên lạc không có ép buộc với miền Bắc, từng bước tiến tới thống nhất đất nước trên cơ sở độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Kết luận

Trên đây là vài nhận định sơ lược và đại cương về mặt luật của Hiệp Định một cách lý thuyết. Luật quốc tế vốn là một luật hazy còn sơ lập (primaire) nghĩa là chưa có tổ chức chặt chẽ, không được đặt dưới sự điều hành của một lực lượng trung ương nên rất khó áp dụng. Người Việt Nam, đặc biệt là những người ở miền Nam chắc đã hiểu được rằng không nên có nhiều ảo tưởng về hiệu lực của luật quốc tế. Hơn nữa, trên trường quốc tế không phải chỉ có luật mà còn có ngoại giao là nơi mà luật quốc tế được gián tiếp áp dụng. Bằng cơ trước mắt là chỉ có ngoại giao mới có thể đưa được việc xét lại Hiệp Định Paris ra trước Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam. Luật quốc tế phải có chỗ dựa chính trị mới có hiệu lực.

Chưa có gì chứng tỏ rằng một Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam sẽ được triệu tập nay mai bởi lẽ chẳng có gì bảo đảm rằng điều kiện túc số sẽ hội đủ. Nhưng không phải vì thế mà quyết đoán rằng sẽ không có. Vấn đề đáng quan tâm là nếu có thì người quốc gia phải làm sao để tiếp nhận nó trong thế chủ động không để bị sét đánh ngang tai như năm 1954, hay giao động như năm 1973. Dù sao phát động cơ chế xét lại Hiệp Định Paris lần này có nghĩa là cam kết trước và cũng là tái cam kết tôn trọng giải pháp chính trị. Giải pháp đó vẫn còn được duy trì nguyên vẹn hay sẽ phải sửa đổi? Đã có đủ điều kiện chủ quan để thi hành nó chưa hay sẽ lại bị nó tràn ngập một lần nữa như 1975? Ai sẽ nhân danh ai để thương lượng? Và thương lượng cho ai? Thương lượng với những triển vọng nào? Có liệu trước được những hậu quả hay không. Đó là một số trong nhiều vấn nạn không thể không có giải đáp trước khi lâm sự, nhất là về mặt luật học.

Trần Thanh Hiệp

Ghi chú của tác giả: Bài viết gồm có ba phần, phần I: Hiệp Định Paris 1973 về mặt luật học, phần II: Hiệp Định Paris trên bình diện ngoại giao, Phần III: Hiệp Định Paris có phải là một giải pháp chính trị cho Việt Nam không?. Bài này chỉ là phần I. Người viết không viết với ý định trở lại chính trường mà để làm một vài công việc tính sổ trước khi rời chính trường.

Về buổi họp các thân hữu và độc giả Thông Luận 8.1.89

LTS. Diễn đàn Thông Luận không chỉ thu hẹp trong những phát biểu của nhóm chủ trương, mà là cánh cửa mở rộng đón nhận mọi bài vở có liên quan đến tình hình đất nước, và mọi ý kiến xây dựng. Trong tinh thần đó, chúng tôi xin giới thiệu hai bài góp ý sau đây của hai độc giả, ông Nguyễn Điều và Nguyễn Văn Huy, đã tham dự buổi họp mặt thân hữu của Thông Luận ngày 8/1/89 vừa qua (xin nói rõ là buổi họp thân hữu để "trình làng" những người chủ trương Thông Luận và nghe độc giả góp ý và phê bình, chứ không phải một buổi hội thảo như ông Nguyễn Điều đã cảm nhận trong bài viết sau đây).

Về sáu chữ "hòa hợp hòa giải dân tộc"

Ai là người đã đi nghe buổi hội thảo do nguyệt san Thông Luận tổ chức vào chiều ngày 8-1-89 tại phòng họp nhà thờ Saint Hyppolyte, Avenue de Choisy, quận 13 thành phố Paris... chắc không thể nào không chú ý đến một màn thảo luận khá sôi nổi về vấn đề Hòa Hợp Hòa Giải Dân Tộc...!

Dĩ nhiên, người viết bài này cũng hân hạnh có mặt trong buổi hội thảo hôm đó, nên xin phép góp vài ý kiến.

Hòa Hợp Hòa Giải Dân Tộc là một vấn đề, trên nguyên tắc vào lúc chuyển mình lịch sử, rất cần thiết và đáng hoan nghênh. Không có một dân tộc nào trên thế giới, sau nội chiến, muốn bước vào giai đoạn ổn định chính trị mà không trải qua một thời gian hòa hợp hòa giải dân tộc, dưới hình thức này hay hình thức khác!

Nhưng với dân tộc Việt Nam, vấn đề lại bị nhìn, hay được nhìn ở một khía cạnh khác, bởi những mỹ từ "hòa hợp hòa giải dân tộc" đã bị ngoại bang và cộng sản lạm dụng một cách ác độc, khiến cho người Việt Nam tự nhiên mang mặc cảm bất thiện khi nghe lại các mỹ từ này!

Hòa hợp hòa giải dân tộc, trong thực chất không phải là hợp tác với những kẻ phản lại dân tộc! Sáu chữ hòa hợp hòa giải dân tộc tự nó đã cho ta một định nghĩa quá rõ ràng: ấy là sự hòa hợp, thuận giải giữa những người yêu thương dân tộc, vì dân tộc và lấy dân tộc đặt lên trên hết, mặc dù giữa những người ấy, có một số những bất đồng chính kiến!

Không cần phải nói, chúng ta ai cũng biết rằng cộng sản từ xưa tới nay chẳng bao giờ chủ tâm hòa hợp hòa giải dân tộc, thành thử một người muốn cứu nguy dân tộc qua phương tiện hòa giải, đương nhiên trở thành mục tiêu cần lợi dụng để tiêu diệt của cộng sản, đặc biệt là cộng sản Việt Nam!

Chúng ta cũng chớ mất thì giờ nhắc lại rằng cộng sản là bọn rất tinh xảo trong việc sử dụng và lạm dụng mỹ từ, vì chuyện đó ai cũng biết, nhất là người Việt Nam ở hải ngoại nói riêng, và hầu hết dân tộc Việt Nam nói chung. Việc chúng ta phải nói là chúng ta có biện pháp nào trước những manh tâm lạm dụng mỹ từ của cộng sản, để chúng ta khỏi bị lúng túng trước những chiêu bài (tất cả bằng mỹ từ) do cộng sản độc chiếm như những vũ khí, đánh thẳng vào mặt trận tuyên truyền và tâm lý, cốt chia rẽ và tiêu diệt chúng ta!

Không riêng gì năm 1973, năm có cuộc dàn xếp (còn gọi một cách đẹp đẽ hơn là hòa đàm) giữa Mỹ và cộng sản về miền Nam Việt Nam, năm mà bọn cầm quyền cộng sản Hà Nội đã lạm dụng sáu chữ hòa hợp hòa giải dân tộc như một chiêu bài để đánh lặn con đen..., mà ngay từ những năm thuộc các thập niên 1940, 1950, 1960, cộng sản cũng đã dùng những chiêu bài tương tự để bức hiếp, tiêu diệt, lôi cuốn các lực lượng dân tộc!

Nếu năm 1973, cộng sản lợi dụng sáu chữ hòa hợp hòa giải dân tộc để cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam, thì năm 1946, cộng sản lạm dụng hai chữ Liên Hiệp để tiêu diệt các đảng phái cách mạng, như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt, Duy Dân, v.v..., và năm 1956, cộng sản lạm dụng hai chữ Hiệp Thương! (Cũng may là chính quyền Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ được Mỹ quyết tâm hậu thuẫn, nên chiêu bài hiệp thương không gây được ảnh hưởng gì!). Rồi năm 1961, cộng sản lợi dụng sự bất mãn của một thiểu số người miền Nam để dựng lên cái gọi Mặt Trận Giải Phóng...!

Tiếng Việt là ngôn ngữ chung của toàn thể dân tộc Việt Nam, chứ không phải dành riêng cho một thành phần nào. Tiếng Việt lại càng không phải là khí cụ để cho một đảng phái bạo trị, độc quyền sử dụng để gieo rắc hiểm khích trong lòng dân chúng và xuyên tạc lẫn nhau. Chúng ta hãy chân thành tưởng niệm đến các bậc cách mạng tiền phong. Một Huỳnh Thúc Kháng với lòng yêu nước và vì hai chữ "liên hiệp" đã bị cộng sản mượn tay người Pháp giết chết! Một Nguyễn Hải Thần, một Vũ Hồng Khanh, một Nguyễn Tường Tam, v.v... cũng vì hai chữ "liên hiệp" đã làm cho các lực lượng dân quốc phải trở nên thụ động trước bọn sát nhân cộng sản! Còn nữa và còn nữa...! Chỉ cần nói sơ là đủ!

Tuy bị thiệt hại như vậy, nhưng các bậc cha anh của chúng ta ấy, đã nhất định không để cho cộng sản độc chiếm những mỹ từ tiếng Việt!

Khi cộng sản tận dụng hai chữ "yêu nước", cái gì của cộng sản cũng có "yêu nước" hết: nào thanh niên yêu nước, phụ nữ yêu nước, nông dân yêu nước, bô lão yêu nước, thiếu nhi yêu nước, Phật Giáo yêu nước, Công Giáo yêu nước, v.v... và v.v... thì tại nửa phần đất Việt Nam tự do (1954 - 1975) các bậc cha anh tiếp nối

Buổi họp các thân hữu và độc giả Thông Luận

Ngày 08.01.89, tại quận 13, Paris, nguyệt san Thông Luận đã tổ chức một buổi họp thân hữu độc giả, với mục đích tạo sự thông cảm giữa những người chủ trương tờ báo và những người đọc nó. Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên sau một năm phát hành, để độc giả có cơ hội góp ý kiến với Thông Luận về hình thức cũng như nội dung, và nhất là về lập trường của nhóm chủ trương.

Buổi họp thân hữu này đã quy tụ được hơn 100 người (Thông Luận đã gửi giấy mời đến tất cả độc giả ngụ tại Paris và vùng phụ cận, cùng với báo số 11). Hơn 100 người ngồi thành một vòng tròn thân hữu đã trao đổi ý kiến trong tinh thần tương kính và trong bầu không khí rất cởi mở. Tham vọng của ban tổ chức là tiến tới những cuộc gặp gỡ như hôm nay tại các địa phương có một số tương đối đông độc giả như Hòa Lan, Tây Đức,... Chỉ khi nào chúng ta dám nói thẳng thắn ra những điều mình nghĩ thì lúc đó chúng ta mới hiểu nhau và mới thấy được những gì cần chung nhau làm cho tương lai đất nước, tương lai chúng ta và con em chúng ta.

Chương trình đã diễn ra đúng như dự trù,

- . 15 giờ : trao đổi, gặp gỡ cá nhân
- . 15 giờ 45 : ban tổ chức chào mừng độc giả, giới thiệu ban điều hành và ban biên tập
- . 16 giờ : độc giả phát biểu ý kiến
- . 18 giờ : chấm dứt.

Phần giới thiệu nhóm chủ trương với lời chào mừng độc giả của ban tổ chức qua sự đại diện của chị Quản Mỹ Lan, một thành viên thường trực của ban biên tập.

"...Khi còn ở trong nước chúng ta đã chứng kiến cảnh những người viết, người làm phim, người vẽ, làm nhạc... theo "đơn đặt hàng", họ bị trói buộc bởi những xiềng xích vô hình nào đó để phải viết, phải nói, phải vẽ lên những điều trái với những điều họ nghĩ. Ngày nay tại hải ngoại, chúng ta có tất cả tự do để nói lên tiếng nói của mình, không còn ai cấm đoán ai, không còn ai đe dọa ai hoặc phải sợ sệt ai để phải nói lên tiếng nói của người khác. Trong tinh thần "uy vũ bất năng khuất" đó Thông Luận đến với độc giả..."

Hơn một năm qua, dư âm đến cũng nhiều, chúng tôi

rất vui vì tôn chỉ ấy đã được đáp ứng, đã gây được cảm thông, phản ánh qua số thư độc giả, qua những cuộc điện đàm vượt ra khỏi địa dư của nước Pháp. Qua đó chúng tôi nhận được những lời đóng góp rất xây dựng, đã có chung những quan điểm mà cho đến nay chưa hề được nói ra...

...Ngạn ngữ Tây Tạng có câu: từ đằng xa tôi thấy đó là một con vật, đến gần hơn tôi thấy đó là một con người, và gần hơn nữa tôi thấy đó là một người anh em tôi. Chúng ta phải nói với nhau như nói với người anh em thì ta mới nói được hết cả tâm tình".

Tiếp đó, anh chủ nhiệm Bùi Quang Hiếu đã nói lên chủ trương của tờ báo. "Thông Luận là một tờ báo thuần túy chính trị. Chúng tôi là một số người tuy được may mắn sống trong khung cảnh thoải mái tại hải ngoại, vẫn luôn luôn đặt vấn đề Việt Nam làm điểm ưu tiên trong cuộc đời... Việt Nam không cần một vĩ nhân, Việt Nam cần sự đồng thuận dân tộc trên một dự án chính trị. Chúng tôi muốn xây dựng một xã hội trong đó mọi người đều chấp nhận chia xẻ một tương lai chung..." Sau đó anh Hiếu đã giới thiệu những anh em trong ban điều hành của tờ báo.

Anh chủ bút Phạm Ngọc Lân đã tiếp lời giới thiệu thành phần ban biên tập, và đã nói lên tinh thần làm việc tập thể của nhóm chủ trương, trong đó có sự phân công cá nhân cho từng địa hạt chuyên môn. Anh cũng thiết tha kêu gọi sự đóng góp ý kiến và bài vở của độc giả, vì Thông Luận không phải là cơ quan ngôn luận của một phe nhóm hay tổ chức, mà ngược lại Thông Luận có tham vọng làm một diễn đàn chính trị cho mọi người, trong đó không có vấn đề nào cấm bàn đến cũng như không có ý kiến nào cấm nêu ra.

Sau đó là những góp ý và câu hỏi của độc giả. Những thắc mắc được nhóm chủ trương trả lời, trong đó anh Nguyễn Gia Kiểng là người phụ trách về chính trị của Thông Luận đã đóng góp tích cực nhất, vì đa số các câu hỏi đều liên quan đến lập trường của nhóm chủ trương.

Chúng tôi xin tóm lược sau đây các trao đổi giữa độc giả và Thông Luận, theo đúng thứ tự diễn ra.

- Ông Nguyễn Vô Kỳ (giáo sư triết học) đã "bị mời" mở màn cuộc góp ý. Ông nghĩ rằng khuôn khổ ngắn gọn, ít trang của tờ báo là một ưu điểm, độc giả sẽ đọc hết không bỏ sót, nhưng nếu có phương tiện phát triển tăng số trang thì càng tốt. Ông cũng có cảm tưởng, ngay trong bài đầu tiên, là Thông Luận đã mắc phải cố tật của một số báo chí là trước khi phát hành đã chỉ trích các báo khác là dở. Theo ý ông, để rút kinh nghiệm cho những công việc mai sau, trước khi làm điều gì hãy khoan chỉ trích người khác, khi mình làm độc giả sẽ phê bình.

- Ông Lê Trung Cang (chủ tịch hội người Việt tại Créteil) nêu ý kiến là muốn tìm một đường lối đấu tranh cho đất nước, nên phát triển thêm nữa những cuộc gặp gỡ như ngày hôm nay, và không nên nghĩ rằng chỉ có thành phần trẻ hay một thành phần nào đó mới có thể làm nên sự nghiệp lớn cho đất nước, mà phải nghĩ rằng tất cả đều có thể cùng làm. Ông cũng nghĩ rằng chúng ta nên đi từ những việc nhỏ, cho người khác thấy thiện chí và tâm tốt của mình rồi người ta sẽ ủng hộ, và trong việc này, Thông Luận đã đi được một bước đường rất dài, dù chỉ mới một năm, trong việc gieo lên một mầm mống tốt về tinh thần đoàn kết ngồi lại với nhau. Ông cũng khuyên Thông Luận nên tiến về những anh em mới đến trong các trại tị nạn là những người rất cần được chúng ta ủng hộ về tinh thần và tình cảm, như đã có lần loan tin về 12 người vừa đến từ lao tù Miến Điện, đã là một tiếng vang rất tốt.

- Anh Trần Khắc Cần (một người đã từng hoạt động rất mạnh trong Tổng Hội Sinh Viên Paris) nghĩ rằng Thông Luận là một nhóm người có những tư tưởng mới về vấn đề tranh đấu chống lại chế độ cộng sản hiện thời tại Việt Nam, một đường lối khác với những đường lối chống cộng từ trước đến nay của những tập đoàn quốc gia. Người ta có thể gọi đó là con đường "thứ ba" - như là đường của những người thuộc lực lượng thứ ba trước đây - vì người ta có cảm tưởng là Thông Luận coi chính quyền hiện nay như là có thể cải hóa được, và những chỉ trích của Thông Luận có thể xem là có tính cách xây dựng hơn là muốn lật đổ. Anh Cần cũng thắc mắc là những người đã từng có tiếng là chống cộng triệt để trong Tổng Hội Sinh Viên Paris trước đây nay nằm trong Thông Luận, có phải đã thay đổi đường hướng tranh đấu hay không, và thay đổi đó là do họ suy nghĩ hay là do tình hình Việt Nam và thế giới làm cho họ thay đổi. Anh Cần cũng yêu cầu Thông Luận đưa ra một đường lối đấu tranh rõ rệt, và phân định rõ những ai có thể đi cùng, những ai cần phải xa cách. Anh Cần cũng nhắc lại lời anh chủ bút Phạm Ngọc Lân kêu gọi độc giả đóng góp ý kiến và bài vở, và yêu cầu Thông Luận cho biết những bài vở muốn được đăng thì phải trên lập trường nào. Anh Cần nhắc lại là anh muốn được nghe Thông Luận minh định một số điểm chứ không phải anh chỉ trích Thông Luận.

* Thông Luận là một diễn đàn chính trị chung cho mọi người trong đó không có vấn đề nào cấm bàn đến, không có ý kiến nào cấm nêu ra. Do đó không có vấn đề bài vở phải có lập trường nào mới đăng. Nếu bài viết có một lý luận vững chắc chúng tôi sẵn sàng đăng. Tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về những ý kiến phát biểu, chúng tôi chỉ chịu trách nhiệm trước độc giả về phẩm chất của bài đăng. Chúng tôi cũng bị hạn chế vì khuôn khổ tờ báo nên chỉ có thể đăng những bài viết thích hợp với khuôn khổ này...

* Chúng tôi tranh đấu cho một thể chế đa nguyên nên chống lại mọi chính quyền chủ trương độc đảng. Chính quyền hiện nay là bất dung và bất lực nên sự chống đối của chúng tôi là toàn diện. Điều khác biệt giữa chúng tôi và một số tổ chức khác là sự phân tích tình hình trong nước, chúng tôi lạc quan, chúng tôi nghĩ rằng

nhân dân thuộc về phía chúng ta, sự bế tắc của chế độ càng ngày càng tăng nên chúng ta phải có thái độ trách nhiệm hơn với người trong nước. Về việc chống chính quyền cộng sản, chúng tôi không hề thay đổi trong chiều sâu nhưng phương thức thì phải thay đổi vì phương thức cũ đã sai nên chúng ta mới ngồi đây...

* Những người chủ trương Thông Luận không thể là lực lượng thứ ba mà có thể là thứ 100 vì chúng tôi chỉ là một lực lượng nhỏ trong số tất cả các lực lượng hiện đang chống lại thành phần bịp bợm đang nắm lấy chính quyền trong nước.

- Bà Như Lê Abadie (làm việc tại C.N.R.S. và đại học Paris I, chuyên nghiên cứu về kinh tế các nước chậm tiến) có cảm tưởng là Thông Luận đã đáp ứng được hoài vọng của nhiều người, Thông Luận đã kích chế độ hiện nay tại Việt Nam và muốn làm công việc nghiên cứu có tầm mức quốc gia. Như vậy vấn đề tài chánh ra sao? Có cơ quan nào hỗ trợ hay không? Vì số trang hiện nay quá ít khó có thể đi sâu vào các vấn đề có tính cách rộng lớn. Trong một số báo Thông Luận nói nếu Việt Nam tìm lại được tự do, chúng ta có rất nhiều người tài giỏi về xây dựng lại đất nước như vậy Thông Luận có đặt vấn đề đào tạo chuyên viên hay không? Phải tiến hành như thế nào? Có nghĩ đến việc tổ chức các séminaires (hội thảo) về vấn đề Việt Nam hay không?

* Tài chánh của Thông Luận là do sự ủng hộ, đóng góp của độc giả qua việc mua báo dài hạn, cùng với sự đóng góp của anh em trong nhóm chủ trương. Ngoài ra, Thông Luận không được - và cũng không yêu cầu - một tổ chức hoặc phe nhóm nào tài trợ, để giữ tính cách độc lập cho tờ báo. Về vấn đề tổ chức hội thảo, cho đến nay nhóm chủ trương chỉ mới có sinh hoạt nội bộ chứ chưa tổ chức các cuộc hội thảo rộng rãi về các vấn đề của Việt Nam, nhưng chúng tôi sẽ xúc tiến dần công việc này.

- Anh Nguyễn Văn Huy (một người trẻ đã từng làm báo tại Sài Gòn) từ khi đọc Thông luận thấy rất vui vì đã thấy được một cái gì mới, khác, một đường lối ôn hòa, phù hợp với những suy tư của những người ra ngoài quốc gia sau khi cộng sản lên nắm quyền tại Việt Nam. Nhưng trong số đầu Thông Luận lại đề cập đến cộng sản như những người có hiểu biết, và đề nghị họ phải sửa đổi, phải canh tân, phải hướng về dân tộc... mà thực tế đã chứng minh cộng sản không phải như thế, nên anh muốn được biết rõ hơn về điểm này. Anh cũng đặt câu hỏi về bối cảnh ra đời của Thông Luận: đã có sự chuẩn bị từ trước hay do những biến chuyển thời thế đã thay đổi trong các nước cộng sản như ở Liên Xô, Trung Quốc và mới đây ở Việt Nam?

* Anh em trong nhóm chủ trương chuẩn bị ra tờ báo trong vòng một năm. Dựa vào những suy nghĩ của một số anh em từ mấy năm trước, Thông Luận nhận thấy đã đến lúc cần phải có một lối phát biểu khác, phải dùng một ngôn ngữ sao cho những người, vì những lý do khác nhau, còn nằm trong bộ máy cầm quyền hiện nay có thể hiểu được, và có thể cảm nhận điều đó là đúng. Còn trong bài "Để giữ thể chế chủ động chánh trị" trong số 1, anh Nguyễn Gia Kiểng có nêu lên năm điều kiện tiên quyết trước khi có thể nói chuyện với cộng sản, có người cho rằng nếu thực hiện năm điều kiện trên thì họ không còn là cộng sản nữa nên chắc chắn họ không bao giờ chấp nhận. Nhưng đó lại là những điều rất hợp tình hợp lý, được nêu ra để mọi người thấy rằng phía cộng sản phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chia rẽ dân tộc hiện nay, kéo theo sự trì trệ của đất nước về mọi mặt. Lập trường của Thông Luận rất rõ ràng về hai điểm: một là chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc thực sự, hai là tranh đấu cho một thể chế dân chủ đa nguyên. Trên hai điểm này sẽ không thể có một nhân nhượng nào cả.

- Anh Vũ Anh Đạt (đã có nhiều kinh nghiệm làm báo, trong nhóm chủ trương tờ Chiến Hữu, rồi tờ Diễn Đàn Người Việt) góp ý về kỹ thuật làm báo. Về hình thức thì Thông Luận chưa phải là tờ báo chuyên nghiệp, nên tăng trang để có thể nói được nhiều hơn, diễn đạt được rõ ràng hơn để không bị hiểu lầm. Về cách phân phối báo cũng nên suy nghĩ tìm những cách khác hơn là đường bưu điện, làm sao để phổ biến rộng rãi hơn.

* *Thông Luận ghi nhận những ý kiến xây dựng của anh Đạt. Hiện nay tất cả anh em trong ban điều hành tờ báo đều không phải người làm báo chuyên nghiệp, và đều đi làm, chỉ làm báo ngoài giờ làm việc tại công sở, vì vậy mà Thông Luận chưa có được hình thức của một tờ báo chuyên nghiệp. Còn về việc phổ biến, chúng tôi tin tưởng vào một hình thức rất hiệu nghiệm, đó là chính độc giả giới thiệu tờ báo với thân hữu của mình. Chúng tôi rất mong độc giả tích cực trong việc giới thiệu này. Bên Mỹ và Canada có những người phổ biến Thông Luận bằng cách photocopie từ một bản nhận được bên này, vì tiền gửi máy bay khá đắt, chúng tôi không phiền hà gì về cách phổ biến này cả, vì mục đích duy nhất của tờ báo là trở thành một diễn đàn chung để phổ biến tư tưởng, không phải để làm thương mại. Dĩ nhiên, nếu không có tiền điều hành thì không thể sống được, nên Thông Luận cũng rất mong được sự ủng hộ tài chính của độc giả.*

- Cụ Bùi Quang Tung (một giáo sư cao niên) nêu ý kiến đồng ý với Thông Luận là nên dùng lời lẽ ôn hòa để cho người cộng sản hiểu được lỗi lầm của họ, hiểu là chánh sách của họ làm phản lịch sử. Theo cụ, Việt Nam là một nước nhỏ, mà địa thế lại ở một vùng quan trọng, phải theo một chính sách phát triển kinh tế thay vì phát triển quân sự, gây thù hận với các nước lân bang. Lời phát biểu của cụ Bùi Quang Tung đã được nhóm chủ trương cũng như cử tọa nồng nhiệt tiếp nhận.

- Ông Nguyễn Văn Ai (cựu giám đốc viện Pasteur Sài Gòn) phát biểu cảm tình với Thông Luận vì tất cả các bài vở đều toát ra sự nhiệt tình, lòng thành thực và nỗi đau xót khi phân tích những vấn đề liên quan đến đất nước. Ông có cảm tưởng rằng anh em trong nhóm chủ trương kêu gọi người cộng sản để cho những người có khả năng xây dựng đất nước có chỗ đứng của mình để phục vụ xứ sở. Ông thắc mắc là như vậy không hiểu các anh em làm chính trị hay làm truyền giáo? Các anh em đã có kết quả nào chưa? Người ta có đáp ứng không? Và nếu họ đáp ứng thì anh em làm thế nào? Vì kinh nghiệm lịch sử cho chúng ta thấy họ đã nhiều lần đáp ứng, nhưng chưa bao giờ đáp ứng một cách lương thiện. Nếu họ không đáp ứng thì anh em kêu gọi tới bao giờ? Lời truyền giáo của anh em có phải là tiếng kêu trong sa mạc hay không?

* *Thông Luận không có ý nói chuyện với chính quyền cộng sản. Những thông điệp của Thông Luận là những lời nhắn gửi tới những người anh em vì những lý do địa dư, lịch sử, hoàn cảnh cá nhân còn đứng trong hàng ngũ cộng sản, để họ hiểu là không thể tiếp tục theo chính quyền đó được nữa. Đây cũng là một thái độ đánh phá, nhưng đánh phá bằng cách gieo những ý kiến mới vào hàng ngũ cộng sản, chứ không phải để đối thoại với chính quyền cộng sản. Lịch sử đã chứng tỏ là lớp người hiện đang cầm quyền tại Việt Nam không sẵn sàng để đối thoại một cách thành thực. Hơn nữa, Thông Luận chỉ là một cơ quan ngôn luận, không có tư thế của một lực lượng chính trị để đối thoại. Đây chỉ là một lời kêu gọi, nói với một giọng điệu có tính nghĩa để người nghe không bị chối tai và tiếp tục nghe mình nói. Kết quả là trong nhóm chủ trương Thông Luận đã có những người trước đây đã từng theo phe cộng sản, giờ đây hợp tác với tinh thần anh em, tinh thần xóa bỏ cái cũ để cùng làm lại lịch sử, khác với tinh thần "chiêu hồi".*

Không ai phải xin lỗi ai vì mọi người đều phần nào có lỗi trước lịch sử, và đều có bổn phận cùng ngồi lại với nhau để làm lại lịch sử.

- Ông Trần Thanh Hiệp (một thành viên tích cực của ban biên tập Thông Luận) phát biểu rằng một người đã chống cộng trên 40 năm như ông mà bây giờ thay đổi lập trường thì không chống cộng nữa thì cũng đã muộn, và ông không muốn làm điều muộn màng đó, và lại điều đó chẳng có vinh dự gì trong lúc này. Tuy nhiên, trong hình thức tranh đấu chống cộng sản, phải có sự thích hợp với tình thế. Kể nào dùng được võ lực để lật đổ chế độ cũ việc làm. Nhưng nếu có những người nói lên những lời lẽ ôn hòa, hợp lẽ phải để cho những người cộng sản hiểu được - ngoại trừ thành phần lãnh đạo có đầu óc không thay đổi được - thì chúng ta cũng dùng võ lực chụp mũ họ, mà không phân biệt ai là bạn ai là thù, gây thêm suy yếu cho hàng ngũ của chúng ta. Hiện nay tình hình quốc tế đã thay đổi rõ rệt, chúng ta phải tự hỏi rằng trong hoàn cảnh đó, chúng ta có thể tiếp tục tranh đấu theo đường lối nào? Theo đường lối chiến tranh, hay là theo đường lối kinh tế, nhân quyền...?

- Ông Nguyễn Võ Kỳ nhắc lại câu của một tác giả, theo đó thì "cuộc đấu tranh sống còn sau này không phải giữa người quốc gia và người cộng sản mà là giữa người cộng sản và những người từ bỏ cộng sản". Ông cũng nêu câu hỏi là sau một năm phát hành, Thông Luận có đi đến sơ kết nào hay không, có củng cố hoặc sửa đổi lập trường nào hay không, và buổi họp ngày hôm nay có phải là để đánh dấu một khúc quanh, một chuyển hướng mới hay không.

* *Thông Luận tổ chức buổi họp ngày hôm nay để gặp gỡ và nghe ý kiến độc giả, đồng thời cũng có ý khơi mào cho sự hình thành của một nhóm thân hữu gặp gỡ nhau thường xuyên để bàn cãi, mổ xẻ những lập trường đưa ra trên Thông Luận, để tờ báo phản ánh mỗi ngày một trung thực hơn lập trường của những người đọc nó vì đọc nó cũng là một cách tham dự vào sinh hoạt của tờ báo. Cho đến hôm nay chúng tôi không có ý định thay đổi lập trường của tờ báo, nhưng tùy theo những ý kiến nhận được hôm nay và trong tương lai, qua những cuộc thảo luận của "nhóm thân hữu Thông Luận", có thể ảnh hưởng đến nội dung của báo, hướng đi của nó.*

- Anh Thế Huy (nhà báo, phát biểu với tư cách một cựu quân nhân quân lực Việt Nam Cộng Hòa), rất băn khoăn khi nghe nói đến "hòa hợp hòa giải dân tộc" (qua câu trả lời của Thông Luận cho anh Nguyễn Văn Huy). Quá khứ đã cho thấy đảng Cộng Sản đã từng kết hợp với các đảng phái quốc gia như đảng Đại Việt, Việt Nam Quốc Dân Đảng trong thời kỳ chống Pháp nhưng một khi họ đã nắm được chính quyền rồi thì họ tiêu diệt hết các đảng đã từng đi với họ. Những người đang kêu gọi hòa hợp hòa giải bây giờ có phải đang mở đường cho một kiểu hòa hợp hòa giải như năm 1945? Người cộng sản là tin đồn của một thứ giáo điều không thể thay đổi được, vì nếu họ thay đổi thì họ không còn là cộng sản nữa. Và lại trên thế giới này chưa có một đảng cộng sản nào ngồi lại, hòa hợp hòa giải với bất cứ một tổ chức nào, một dân tộc nào, mà người ta chỉ thấy đảng Cộng Sản Nga mang xe tăng chà đạp nhân dân Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi...

* *Trước hết, có một điều phải minh định ngay là lúc này chỉ có chúng ta nói hòa giải và hòa hợp dân tộc mà thôi, người cộng sản không hề nói điều đó, bởi vì đối với họ vấn đề hòa giải và hòa hợp dân tộc đã giải quyết xong rồi. Họ đã "tha tội chết" cho những người "ngụy quân ngụy quyền" sau một thời gian "giáo dục họ trở thành những người lương thiện có ích cho xã hội" trong những "trại học tập cải tạo"! Đối với họ hiện nay dân tộc Việt Nam rất*

thống nhất, rất hòa hợp "dưới sự lãnh đạo sáng suốt của đảng"! Cho nên, từ ngữ "hòa giải và hòa hợp dân tộc" trong lúc này tự nó đã là một thái độ chống đối với chính quyền cộng sản Việt Nam, vì chúng ta nói dân tộc Việt Nam vẫn còn chia rẽ, cần vận động để hòa giải. Ngôn ngữ đó không phải là ngôn ngữ cộng sản, mà trái ngược hẳn với lập trường của cộng sản hiện nay và đặt lại một vấn đề trong đó chính quyền cộng sản là can phạm.

* Điều thứ hai cần nói là hòa giải và hòa hợp dân tộc là điều rất cần thiết cho đất nước vì sau một cuộc chiến tranh, chúng ta đã bị chia rẽ, đã chịu nhiều đổ vỡ tinh thần và vật chất rất trầm trọng. Tại Việt Nam, phe cộng sản sau khi thắng trận, thay vì hòa giải và hòa hợp dân tộc, đã thi hành chính sách hạ nhục tập thể, bỏ tù cả nước. Dân tộc Việt Nam đã bị nội thương rất trầm trọng, đã bị tổn hại trong trái tim và trong trí tuệ, và muốn tiến lên được thì phải giải quyết những hiềm thù trong quá khứ. Do đó, ngôn ngữ hòa giải và hòa hợp dân tộc là một ngôn ngữ lịch sử của thời đại chứ không phải là một chiến thuật, càng không phải là một sự "xào nấu chính trị" trong một lúc nào đó. Nếu một ngày kia, vai trò lịch sử đến tay chúng ta thì chúng ta phải thành công hơn đảng cộng sản trong công việc quản lý đất nước. Muốn vậy chúng ta phải động viên được mọi khối óc, mọi bàn tay vào việc xây dựng để đất nước có thể tiến lên, do đó phải loại trừ mọi mầm mống chia rẽ bằng chính sách hòa giải và hòa hợp dân tộc.

* Điều thứ ba là về phương diện chiến lược ngắn hạn, theo sự phân tích của chúng tôi thì đất nước Việt nam hiện nay gồm ba thành phần chính trị: thành phần bị thua gồm những người đã đứng trong hàng ngũ Việt Nam Cộng Hòa trước đây, thành phần bị lừa là đại bộ phận những người đã hoặc còn đang ở trong hàng ngũ cộng sản và hiện nay đang rất thất vọng, đang muốn tìm một hướng đi mới cho đất nước; sau cùng là thành phần bị bọm đang cầm quyền và đang dần dần bị cô lập (xem bài "Một tập hợp dân tộc mới" của Phạm Ngọc Lân trong Thông Luận số 12, tháng 1/89, trong đó tác giả đã phân tích rõ ràng tại sao phải hòa giải và hòa giải với ai, rất tiếc vì trực trặc vấn đề in nên báo chưa đến tay độc giả). Nếu hai thành phần bị thua và bị lừa hòa giải được với nhau thì thành phần bị bọm không còn chỗ đứng. Hòa giải đối với chúng tôi là hòa giải giữa hai thành phần bị thua và bị lừa, không có chuyện hòa giải với thành phần bị bọm hiện đang cầm quyền tại Việt Nam mà chỉ có vấn đề cô lập để đánh bại thành phần này.

- Ông Trần Thanh Hiệp, tiếp đó đã góp ý thêm về lập trường hòa giải và việc thực hiện hòa giải. Điều chắc chắn là về lập trường hòa giải, chúng ta không nhường cho ai cả, và nhất là không nhường cho cộng sản để họ lợi dụng chiêu bài đó để ăn gian. Nếu chúng ta phải dẹp bỏ lòng thù hận của chúng ta vì cha, anh, đồng chí chúng ta bị giết, đổi lấy hòa giải thực sự thì chúng ta sẵn sàng làm. Đúng trên vấn đề thực hiện hòa giải, người quốc gia trước đây đã không thực hiện được vì không có lực lượng, không có tổ chức. Khi chúng ta nói đến hòa giải là chúng ta nói lên một lập trường tuyệt đối, đó là nói lên chính nghĩa của chúng ta là phải hòa giải, thay vì thù hận để gây nội chiến giết hại lẫn nhau. Nhưng chúng ta không để cho kẻ địch lợi dụng chính nghĩa đó để sát hại chúng ta. Vì vậy trên thực tế, chúng ta phải có lực lượng, có tổ chức.

- Ông Đinh Vĩnh Phúc (một cây bút quen thuộc trên Thông Luận) e ngại rằng dùng chữ "hòa giải" sẽ gây nên hiểu lầm. Theo ông, vấn đề chính hiện nay là người cộng sản nói thay đổi, nói dân chủ, chúng ta phải tìm hiểu những lời (discours) họ nói và những việc (réalité) họ làm, nghiên cứu một cách khách quan là trong thực tế có thay đổi hay không, và nếu có thì giới hạn như thế nào.

Đến 18 giờ, anh chủ nhiệm Bùi Quang Hiếu bắt buộc phải kết thúc buổi họp vì đã hết giờ mượn phòng, tuy rằng còn biết bao điều muốn nói, và một số độc giả còn muốn tiếp tục đặt câu hỏi trên những vấn đề đã được đề cập đến trong Thông Luận. Anh đã đề nghị thành lập một "nhóm thân hữu Thông Luận" để có thể gặp nhau, thảo luận và trao đổi. Một số độc giả đã ghi tên tại chỗ muốn tham gia nhóm này. Thông Luận sẽ mời những độc giả này cũng như tất cả những độc giả khác (xin cho chúng tôi biết ý định của quý vị bằng cách liên lạc với tòa soạn) để tổ chức một cuộc họp sơ khởi nhằm hình thành và nghiên cứu về sinh hoạt cụ thể của nhóm.

(Ban biên tập tường thuật theo tài liệu ghi âm)

Thời sự... Tin tức... (tiếp theo trang 15)

Không Nguyễn Huệ thì Nguyễn Du

Nguyễn Du và Nguyễn Huệ là hai nhân vật đương thời vào cuối thế kỷ 18. Khi Nguyễn Huệ ra Bắc diệt nhà Trịnh, đánh bại quân Thanh và trở thành hoàng đế Quang Trung thì Nguyễn Du đi theo phò vua Lê Chiêu Thống chống lại Nguyễn Huệ nhưng không thành. Sau khi vua Gia Long diệt nhà Tây Sơn, Nguyễn Huệ bị đào mả, con cháu bị thảm sát, còn Nguyễn Du thì được làm quan, đi sứ sang Tàu và trở về sáng tác thi phẩm bất hủ Đoạn Trường Tân Thanh, thường được biết dưới tên là Truyện Kiều.

Hai con người thù địch nhau ấy, cuối cùng đều đã được tôn vinh, nhưng có lẽ cả hai đều không thể ngờ là tên của họ hai thế kỷ sau lại cùng được dùng để hạ bệ tổng biên tập Nguyễn Ngọc của báo Văn Nghệ.

Tờ Văn Nghệ là tờ báo của Hội Nhà Văn của chế độ cộng sản Việt Nam. Từ trước tờ báo chỉ đăng tải những bài lăng nhăng ca tụng Bắc, Đảng. Nhưng sau đại hội VI phe Nguyễn Văn Linh vì yếu thế trong cơ cấu đảng và nhà nước đã dùng báo chí để vận dụng dư luận quần chúng công phá phe Lê Đức Thọ, và tờ Văn Nghệ đã đăng nhiều truyện rất được ưa chuộng, vì phơi bày nhiều chuyện bê bối của đảng.

Khi phe Lê Đức Thọ thắng trở lại, số phận của ban biên tập chỉ còn là vấn đề thời gian. Cuối mùa hè năm 1988, ban chấp hành Hội Nhà Văn ra thông cáo đả kích những "sai lầm và lệch lạc nghiêm trọng" của tờ Văn Nghệ và kết luận là cần cải tổ lại ban biên tập, nói cách khác, cần loại bỏ những phần tử thân Nguyễn Văn Linh. Nhiều văn nghệ sĩ trong nước lên tiếng phản đối ban chấp hành Hội Nhà Văn, báo chí thân cộng tại hải ngoại (tất cả đều đứng về phe Nguyễn Văn Linh), cũng ký kiến nghị bênh vực tờ Văn Nghệ và đòi giải thích thế nào là sai lệch nghiêm trọng. Hội Nhà Văn trả lời là vì báo Văn Nghệ đã đăng nhiều bài có lời lẽ tục tĩu (chú thích của Thông Luận: các nhà văn mới nổi, đặc biệt là Nguyễn Huy Thiệp quả thực đôi khi có dùng những danh từ thô tục) và đặc biệt có một tác phẩm xúc phạm tới Nguyễn Huệ! Lời giải thích đó hình như chưa đủ, nên hội nhà văn mới đây lại cáo buộc tờ Văn Nghệ có đăng một bài không được tôn kính với Nguyễn Du.

Ông Nguyễn Ngọc sau cùng đã bị cách chức.

Tất cả lý do đều chính đáng khi người nài ra những lý do đó có sủng, có nhà tù và có quyền phân phát lương thực. Số phận của ban biên tập tờ Văn Nghệ chắc chắn sẽ còn là số phận của nhiều ban biên tập khác. Ít ra trong giai đoạn vừa qua, đầu thế nào đi nữa, một số văn nghệ sĩ trong nước cũng đã chứng tỏ rằng đa số cán bộ, đảng viên cũng có rất nhiều hoài bão đổi mới giống như quần chúng.

Nguyễn Văn Linh từ chức ?

Các tin tức từ trong nước càng ngày càng xác nhận ông Nguyễn Văn Linh sắp rời khỏi chức vụ Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Việt Nam và có lẽ sẽ rời khỏi chính trường luôn trong một tương lai rất gần.

Mặc dầu ông Linh rất yếu mệt nhưng lý do sức khoẻ không phải là lý do duy nhất khiến ông rút lui. Ông Lê Duẩn đã ở lại chức vụ cho đến lúc chết sau mấy năm liền bệnh hoạn, người lên kế vị ông Lê Duẩn là Trường Chinh cũng đã rất già nua. Ngay chính ông Linh lên nắm quyền cũng đã rất yếu. Sức khoẻ chưa bao giờ là lý do lên xuống của các nhà lãnh đạo cao nhất trong đảng.

Lý do thực sự là phe nhóm của ông Linh, thường tự cho mình là nhóm canh tân, đã hoàn toàn mất ảnh hưởng. Trong đại hội VI, họ đã dựa vào thất bại về mọi mặt của phe bảo thủ và cậy những công lao chiến đấu gian khổ tại miền Nam để được sự đỡ đầu của Liên Xô và đã nắm được chính quyền. Tuy nhiên vì họ chỉ là những chuyên viên khủng bố nên trong việc quản trị đất nước họ còn kém hơn cả những người của phe bảo thủ. Họ đã không làm được gì mà còn để xảy ra nạn đói thảm khốc mùa xuân năm 1988. Phe bảo thủ đã dần dần trở lại và tháng 6/1988 ông Đỗ Mười đã đánh bại Võ Văn Kiệt, cánh tay mặt của ông Nguyễn Văn Linh để trở thành thủ tướng. Từ đó phe ông Linh suy sụp nhanh chóng, cơn bệnh bất buộc ông Linh phải sang Liên Xô chữa chạy trong một tháng rưỡi đã là nhát đòn ăn huệ cho phe ông.

Ngày 28/8/1988, khi ông trở về Việt Nam, ông đã chỉ được tiếp đón một cách rất sơ sài, khiến phe ông phải bịa ra một danh sách tưởng tượng các cấp lãnh đạo ra đón ông.

Ông Nguyễn Đức Tâm, một người thân tín của ông Lê Đức Thọ đã trở thành thường trực ban bí thư từ khi ông Đỗ Mười nhận chức thủ tướng. Theo hệ thống cộng sản ban bí thư có quyền hơn chánh phủ nên ông Nguyễn Đức Tâm đã trở thành nhân lực quyền thế nhất Việt Nam.

Việc ông Nguyễn Đức Tâm thay thế ông Nguyễn Văn Linh dù sao chỉ là một giả thuyết. Một nhân vật khác tương đối ít được ai biết tới là ông Trần Xuân Bách đang trở lên khá mạnh trong những ngày gần đây. Ông Bách phụ trách về tư tưởng và được biết tới như là vừa bảo thủ vừa giáo điều và đã hoạt động đặc lực để đưa phe Lê Đức Thọ trở lại chính quyền.

Cả hai ông Tâm và Bách đều không được cảm tình của các cán bộ miền Nam nên sự chỉ định một trong hai ông vào chức vụ Tổng Bí Thư đều sẽ đặt ra những khó khăn mới. Có lẽ đảng cộng sản sẽ chọn một giải pháp chờ đợi là chỉ định ông Võ Chí Công, năm nay đã 77 tuổi, tạm thời làm Tổng Bí Thư.

Cuối cùng cũng không nên bỏ qua sự bức bối càng ngày càng lớn của quân đội, bất mãn vì đời sống cơ cực, và nhất là sự triệt thoái khỏi Cam-Bốt, nên có thể có những phản ứng khó lường.

Ông Lê Đức Thọ, người đứng đầu phe bảo thủ đang trở lại chính quyền một cách mạnh mẽ, đã từng đứng đầu quân đội, tướng Lê Đức Anh, bí thư quân uỷ và Bộ Trưởng quốc phòng, cũng là đàn em của ông Thọ nên ông Thọ có nhiều ưu thế trong quân đội. Nhưng không ai tiên đoán được phản ứng của quân đội, nếu sau những bất mãn chông chát họ thấy những người như ông Nguyễn Đức Tâm, hay Trần Xuân Bách tiến lên địa vị tới cao của Đảng.

Hà Nội thương nghị với Bắc Kinh

Ngày 20.01.1989, ông Đinh Nho Liêm, thứ trưởng thứ nhất bộ ngoại giao chính quyền Hà Nội, đã rời Bắc kinh sau 5 ngày thảo luận với giới chức ngoại giao Trung Quốc. Chuyến công du của ông Liêm được giới quan sát tình hình Đông Á coi là một dấu hiệu chúng tỏ Hà Nội đang cố gắng để hòa hoãn với Bắc Kinh. Việc gửi ông Liêm sang Bắc Kinh thay vì ông Trần Quang Cơ như đã dự định nói lên tầm quan trọng mà Hà Nội dành cho cuộc thương nghị này. Ông Liêm là nhân vật thứ hai trong bộ ngoại giao, và cũng là trưởng ban đối ngoại Trung Ương Đảng CSVN.

Hà Nội cũng đã cố gắng để làm hài lòng Trung Quốc trong vấn đề Cam-Bốt. Cách đây vài năm, Hà Nội coi tình hình Cam-Bốt là không thể đảo ngược được, và lý luận một cách xác xược rằng đòi quân cộng sản Việt Nam rút khỏi Cam-Bốt là can thiệp vào nội bộ nước này. Sau đó, Hà Nội đã xuống nước và tuyên bố sẽ rút hết quân khỏi Cam-Bốt vào cuối năm 1990. Đầu năm 1988, Hà Nội lại nhượng bộ một lần nữa và cam kết rút khỏi Cam-Bốt vào đầu năm 1990. Hiện nay, Hà Nội lại tiếp tục nhượng bộ và cho biết sẽ rút hết quân trước tháng 9/89.

Cho tới nay, chính quyền CSVN vẫn dựa trên sự xung khắc giữa Liên Xô và Trung Quốc để dựa vào Moscou mà chống lại Bắc Kinh. Nhưng trước viễn ảnh hòa dịu giữa hai đại cường này, con tính của Hà Nội trở thành đầy rủi ro và Hà Nội đã phải nhượng bộ Trung Quốc để làm hòa. Người ta không biết ngoài vấn đề Cam-Bốt, Đinh Nho Liêm còn nhượng bộ những gì, nhưng người Việt Nam có lý do để lo ngại. Chính quyền CSVN là một chính quyền rất vô trách nhiệm về vấn đề chủ quyền dân tộc. Chính Đinh Nho Liêm là người đã xác nhận rằng trong quá khứ Hà Nội đã ba lần tuyên bố nhìn nhận chủ quyền của Trung Quốc trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa để đổi lấy sự hỗ trợ của Trung Quốc trong cuộc chiến tranh thôn tính miền Nam. Trung Quốc cũng đã công bố lá thư đề ngày 14.09.1958 trong ông Phạm Văn Đồng nhân danh chính quyền Hà Nội ủng hộ quyết định của Trung Quốc coi Trường Sa và Hoàng Sa là lãnh thổ của họ.

Hiện nay giữa Việt Nam và Trung Quốc còn có sự tranh tụng về hải phận trong vịnh Bắc Việt. Rất có thể là chính quyền vô trách nhiệm Hà Nội lại vừa ngấm ngấm nhượng bộ Trung Quốc về điểm này, để đổi lấy an ninh cho chế độ. Trong suốt quá trình hoạt động của họ, đảng cộng sản luôn luôn chúng tỏ là họ đặt quyền lợi của đảng lên trên quyền lợi quốc gia.

Tương lai bất trắc của đồng bào Việt Nam tại Cam-Bốt

Tuần báo Mỹ Newsweek số đề ngày 9/01/89 có một phóng sự chi tiết về tương lai bất ổn của người Việt tại Cam-Bốt trước viễn ảnh triệt thoái của quân cộng sản Việt Nam.

Theo Newsweek, số người Việt Nam sinh sống hiện nay tại Cam-Bốt không đông hơn con số trước năm 1975 khi quân Khmer Đỏ tràn vào Phnom-Penh. Phần đông họ là những người Việt Nam đã sinh sống tại Cam-Bốt và đã chạy trốn về Việt Nam qua hai đợt. Đợt thứ nhất năm 1970 khi Lon Nol đảo chính Sihanouk và một đợt tàn sát người Việt đã xảy ra sau đó. Đợt thứ hai là năm 1975 khi quân Khmer Đỏ tràn vào Phnom Penh và thi hành chính sách diệt chủng. Sau khi quân đội cộng sản Việt Nam đánh đuổi Pol Pot

THỜI SỰ... TIN

một số đồng bào này đã trở lại Cam-Bốt sinh sống. Một số khác không hề ở Cam-Bốt trước năm 1975 cũng đã di dân qua Cam-Bốt, phần lớn là đồng bào người Việt gốc Miền, họ đã rời bỏ Việt Nam vì không chịu nổi chính sách tập thể hóa và cấm đoán làm ăn tại Việt Nam. Một bà đã nói với ký giả báo Newsweek: "Ở đây kể như tôi muốn làm gì thì làm, ở Việt Nam thì chắc chắn là tôi đã đi tù rồi."

Người Việt Nam ở Cam-Bốt hiện nay tập trung đông đảo ở thủ đô Phnom Penh và vùng phụ cận. Đặc biệt là chung quanh Biển Hồ có rất nhiều ngư dân.

Đa số đồng bào Việt Nam lo âu là rồi đây cái gì sẽ xảy ra khi quân cộng sản Việt Nam rút đi hết, họ có thể là nạn nhân của quân Khmer đỏ, hay chính của người Cam-Bốt. Một số khá đông dự định trở về Việt Nam.

Không biết nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam có dự tính gì về những đồng bào này hay không. Nhưng cái gì sẽ chờ đợi họ khi ảnh hưởng của Việt Nam không còn nữa, chắc chắn là đầy rẫy ròi.

Chính quyền cộng sản phải lo hồi hương tất cả đồng bào về để tránh cho họ một thảm kịch tàn sát có thể xảy ra, như những kinh nghiệm gần đây đã cho thấy.



Lên án hay bạch hóa vũ khí hóa học?

Các chuyên viên ngoại giao của Pháp đã phải khéo léo lắm mới dàn xếp nổi một hội nghị mà trong đó không ai đồng ý với ai. Các nước Á Rập đòi lên án vũ khí hạt nhân trước khi lên án vũ khí hóa học, đòi việc hủy bỏ vũ khí hóa học đi liền với việc hủy bỏ vũ khí hạt nhân, một việc chắc chắn không thực hiện nổi. Iran đòi lên án Irak sử dụng vũ khí hóa học giết hại dân chúng, một số nước khác đã kích Iran dung dưỡng bọn khủng bố, các nước Châu Phi đòi trục xuất đại diện Nam Phi... Cuối cùng hội nghị cũng đi đến nghị quyết lên án vũ khí hóa học, một chuyện hiển nhiên nhưng nhắc lại cũng tốt.

Hội nghị bế mạc mà không đồng ý được với nhau trong nghị quyết lên án Irak. Quả là một chuyện lố bịch, khi lên án vũ khí hóa học một cách khơi khơi mà không lên án kẻ đã sử dụng nó và không hề tỏ ra hối tiếc.

Được coi là bom nguyên tử của nước nghèo, vũ khí hoá học rẻ tiền, dễ chế tạo nhưng cũng giết người một cách rất công hiệu. Hầu hết các nước lớn đều có loại vũ khí này nhưng Liên Xô có một khối lượng áp đảo hơn cả. Liên Xô cũng như Mỹ đều đã ngưng sản xuất và đang hủy bỏ bớt vũ khí hóa học.

Về phía các nước chưa mở mang, người ta nhận định là có 7 nước có vũ khí hóa học trong đó có Việt Nam. Chế độ cộng sản Việt Nam tuy không làm được gì đáng làm nhưng về những chuyện không nên làm thì lại rất có hạng.



Số người vượt biển tăng nhiều

Theo số liệu vừa được công bố của Phủ Cao Ủy tị Nạn Liên Hiệp Quốc thì số người Việt Nam vượt biển tới được các nước Đông Nam Á trong năm 1988 đã lên tới gần 48.000 người, tăng 41% so với năm trước.

Cao Ủy Tị Nạn cho rằng sự gia tăng này một phần là do nạn đói đã xảy ra hồi đầu năm tại miền Bắc.

Mặt khác, tổ chức Ân Xá Quốc Tế cũng lên tiếng tố giác chính quyền Thái Lan đối xử vô nhân đạo với thuyền nhân Việt Nam. Tổ chức này cho biết mặc dầu đã tuyên bố thời không xua đuổi

TỨC... THỜI SỰ

thuyền nhân nữa, chính quyền Thái vẫn tiếp tục kéo ra biển nhiều chiếc tàu của người tỵ nạn, kể cả những chiếc tàu đã hư máy mà không hề quan tâm đến tính mạng của những người trên tàu.

Theo những đồng bào may mắn mới tới được Pháp sau khi đã lưu lại một thời gian tại các trại tạm cư thì việc vượt biển hiện nay nguy hiểm ngoài tất cả mọi tưởng tượng. Tuyệt đại đa số các con tàu đều hư máy ngay sau khi rời bờ biển Việt Nam và sau đó trôi dạt trên biển cả, làm mồi cho sóng gió và hải tặc.



Liên Xô lại thiếu 40 triệu tấn lương thực

Tuần qua, ông Sitarian, phó chủ tịch bộ Kế Hoạch Liên Xô, đã cho biết số lượng lương thực thu hoạch được chỉ lên tới mức 195 triệu tấn, so với chỉ tiêu 250 triệu tấn đã được ấn định. Đây là một thất bại lớn lao của chương trình cải cách nông nghiệp cũng như chính sách của Gorbachev đã đưa ra trong ba năm qua. Các nhà lãnh đạo Liên Xô đã biện minh việc mất mùa vì thời tiết (giống như cộng sản Việt Nam đã biện luận năm ngoái), trong khi đó các xứ Mỹ, Canada cũng đã gặp hạn hán trong mùa hè 88, nhưng họ vẫn không thiếu thực phẩm và còn có đủ dự trữ để bán cho Liên Xô. Cũng nên nhớ hằng năm, từ 1980 đến nay, mức sản xuất của Liên Xô chưa bao giờ vượt con số 238 triệu tấn là con số tối thiểu để đáp ứng nhu cầu trong xứ. Hằng năm họ phải nhập cảng từ 30 đến 40 triệu tấn, trong đó Mỹ cung cấp từ 10 đến 20 triệu tấn.

Theo những dự tính của tây phương, Liên Xô cần nhập cảng khoảng 40 triệu tấn từ Hoa Kỳ, Canada, Argentine và Thị trường chung Âu Châu. Vì hạn hán, giá cả lương thực trên thị trường quốc tế sẽ lên cao trong năm nay, và theo ước lượng của các chuyên viên kinh tế, Liên Xô cần phải bỏ ra 20 tỷ mỹ kim để nhập cảng thực phẩm cho niên khóa này. Việt Nam cũng đã bị mất mùa và sẽ thiếu lương thực. Với việc leo thang giá cả thực phẩm quốc tế và việc thiếu hụt ngoại tệ, dân ta sẽ phải thiếu ăn trầm trọng hơn năm trước.



Thêm chi tiết về máy bay Việt Nam rớt tại Bangkok

Một thân hữu thạo tin đã cho Thông Luận một số chi tiết về vụ chiếc máy bay Tupolev của Hàng Không Việt Nam rớt tại Bangkok ngày 09/09/88 làm thiệt mạng 75 người, trong đó có bộ trưởng Y Tế Đặng Hồi Xuân, đại sứ Hà Nội tại Phi Luật Tân Nguyễn Phương Vũ và đại sứ Ấn Độ tại Việt Nam. Những tin tức này phù hợp với các nguồn tin đáng tin cậy khác.

Chiếc máy bay đã rớt vì hết xăng chứ không phải vì bị sét đánh như Hà Nội đã loan báo. Lý do này phản ánh tình trạng nghèo túng cũng như cách làm ăn cầu thả của chính quyền cộng sản. Máy bay đi đường Hà Nội Bangkok và bình thường khi đã lấy đầy nhiên liệu tại Bangkok thì có khả năng bay về Hà Nội rồi trở qua Bangkok. Nhưng ngày 09/09/88 vì bị gió ngược chiều quá mạnh máy bay đã tiêu thụ nhiều nhiên liệu hơn thường lệ và khi đến gần Bangkok thì hết xăng và máy bay đã rớt. Trước đó máy bay đã được phi trường Bangkok thông báo là có bão nhưng đã không thể bay vòng để tránh bão vì không đủ nhiên liệu.

Lý do tại sao chính quyền cộng sản không đưa nổi danh sách hành khách tử nạn cũng rất giản dị: Những người trên máy bay không nhất thiết là những hành khách chính thức ghi tên. Hiện nay tại phi trường Gia Lâm có cả một tổ chức móc ngoặc để buôn hàng từ Thái Lan về, nhiều người có thể lỵc được cho lên máy bay đi buôn trong khi nhiều người ghi tên bị gạt ra. Khi tai nạn xảy ra nhà cầm quyền cộng sản không biết chính xác có những ai trên máy bay.

(xem tiếp thời sự tin tức trang 13)

Sổ Tay

Vai trò của người đọc

Những năm gần đây, có thể nói, chúng ta đã có một sinh hoạt văn hóa hải ngoại tương đối đa diện, nhờ sự đóng góp của các văn nghệ sĩ trên nhiều lãnh vực khác nhau: thi, văn, nhạc, họa...

Đáng mừng ư? Tất nhiên rồi.

Riêng về văn, mười năm trước đây, mấy ai ngờ tới một sự "mở mang văn hóa" mạnh mẽ và hăng say như thế? Một số nhà văn hải ngoại vừa mới xuất bản cuốn sách đầu tiên, đã là một tác phẩm giá trị, có thể tiêu biểu cho một thời kỳ: Mai Kim Ngọc với Một Chút Riêng Tư (1987), Thế Giang với Thằng Người Có Đuôi (1987), Kiệt Tấn với Nụ Cười Tre Trúc (1987), Nguyễn Đức Lập với Cuộc Chiến Tàn Chưa (1987)...

Những tác giả đã viết trước 1975, ra ngoài, vẫn tiếp tục sáng tác, hăng say gấp bội, như Nguyễn Mộng Giác với Ngựa Nản Chân Bon, Xuôi Dòng và tập trường thiên tiểu thuyết Mùa Biển Động, Nhật Tiến với Tiếng Kèn, Một Thời Đang Qua, Nguyễn Xuân Hoàng với Người Di Trên Mây...

Những tác giả sáng tác nhanh, tiểu thuyết của họ vừa tầm tay với một số đông độc giả, phải kể, Nguyễn Ngọc Ngạn, Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo...

Một đôi người, dù đã xa cách quê hương trên dưới 40 năm, nhưng vẫn luôn luôn nhìn về chốn đó, miệt mài... không ngừng nghỉ, như Võ Đình với Xứ Sấm Sét (1987).

Một người, còn trẻ lắm, khi biến cố 75 xảy đến tuổi mới 18, mà ngày nay đã trở nên một nhà phê bình thơ có những nhận định về nghệ thuật rất phong phú và sâu sắc, tôi muốn nói đến Nguyễn Hưng Quốc với Tìm Hiểu Nghệ Thuật Thơ Văn Việt Nam (1988).

Các nữ sĩ cũng đóng góp với những tác phẩm vững vàng như Trần Diệu Hằng với Vũ Diệu Của Loài Công, Phan Thị Trọng Tuyến với Mùa Hè Một Nơi Khác.

Song song với các tác giả, các nhà xuất bản phát triển khắp nơi: Nhà Văn Nghệ của thầy Từ Mẫn Võ Thắng Tiết (Cali), mỗi tháng trung bình xuất bản hai tác phẩm, nhà Người Việt (Cali), nhà Làng Văn (Canada), nhà Cành Nam (Hoa Thịnh Đốn) v.v...

Trong cái sinh hoạt văn nghệ tưng bừng ấy, chúng ta tự hỏi "sinh lực" ở đâu ra lắm thế? Viết vào lúc nào?

- Viết vào tối khuya, viết vào cuối tuần, vào những ngày nghỉ, viết sau giờ làm việc, viết trước khi đi làm...

Các nhà xuất bản lấy vốn ở đâu mà in?

- Bỏ tiền túi, không có vốn thì "quyên", thì nợ nhà in, nợ nhiều lắm, nợ bản quyền tác giả, thu được món nợ, bù vào món kia, cứ thế sống miệt mài với chữ nghĩa, không kể đến ngày mai...

Sách có khi bán được - nhiều khi không - nhưng vẫn cứ in và viết.

Chẳng biết nhà văn nào nói, hình như Lâm Ngữ Đường thì phải: "Viết lách là một loại trùng nó phá phách. Khi bị trùng phá thì cứ phải sáng tác cái này, viết ra cái kia, không thể nào làm khác được". Áp dụng vào các tác giả hải ngoại hiện giờ thì đúng quá. Đúng là họ bị trùng phá chứ khi không ai lại làm cái việc đại đột, gàn dở, phí thời giờ như thế.

Các nhà xuất bản là kích thích tố cho trùng phá hoại. Người đọc là gì, trong cái không khí "đầy vi trùng" ấy? Người đọc gây cảm hứng, người đọc là "đương khí".

Viết lách chẳng ăn giải gì, chỉ mệt người, nhưng khi nhận được một cú điện thoại, hay một lá thư của độc giả, có khi chỉ hỏi dớ dẩn, đại khái: "Chỗ này tại sao (anh, chị, cô, bác, thím...) lại viết như thế? là đương sự tỉnh hẳn người. Đương sự thấy bao nhiêu công lao thức khuya, dậy sớm, xé hết tờ giấy này đến tờ giấy kia bỏ vào sọt rác, rất bõ.

Vai trò của người đọc chỉ có bấy nhiêu thôi, giản dị, nhưng rõ ràng, nó là đương khí, không là gì khác.

Thụy Khuê

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo cho một năm: Âu Châu 100 FF hoặc tương đương
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương

Bảo chỉ phân phối theo đường bưu điện

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET NAM FRATERNITE

(xin đừng đề Thông Luận)

Quý vị ở ngoài nước Pháp xin dùng chi phiếu cá nhân (personal check) và ghi trực tiếp tiền bản xứ (\$Mỹ,...) là tiện nhất, còn money order thì chúng tôi phải trả huê hồng nặng.

Thông luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp

mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó